



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 11

Số 288 + 289 (15/11/2009)

MỤC LỤC

| Ngày ban hành | Trích yếu nội dung | Trang |
|----------------------------------|--|-------|
| ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ | | |
| 17-10-2009 | Quyết định số 77/2009/QĐ-UBND về ban hành đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 03 |
| 17-10-2009 | Quyết định số 78/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện. | 21 |
| 17-10-2009 | Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND về sửa đổi khoản 2 Điều 1 Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố. | 30 |
| 19-10-2009 | Quyết định số 80/2009/QĐ-UBND về chính sách đặc thù cho ngành y tế, giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ . | 32 |
| 20-10-2009 | Quyết định số 81/2009/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ. | 34 |
| 26-10-2009 | Quyết định số 82/2009/QĐ-UBND ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính và chứng thực chữ ký trên địa | 107 |

bàn thành phố Hồ Chí Minh.

26-10-2009 Quyết định số 83/2009/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 110

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng
bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá ngày 26 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Xét đề nghị của Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 65/TTr-VNCPT ngày 29 tháng 10 năm 2008;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính và Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 8769/LSTC-SGTVT ngày 04 tháng 9 năm 2009 về đơn giá vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 2856/STP-VB ngày 29 tháng 9 năm 2009 và Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 1583/SGTVT-VTCN ngày 08 tháng 10 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe

buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 theo các phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Giao Liên Sở Tài chính - Sở Giao thông vận tải xem xét thông báo điều chỉnh mức chênh lệch giá nhiên liệu khi giá nhiên liệu tăng, giảm. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương tối thiểu hoặc các chi phí khác làm cho đơn giá chi phí tăng, giảm từ 5% (năm phần trăm) trở lên, Liên Sở Tài chính - Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh đơn giá chi phí được duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

PHỤ LỤC 1: ĐƠN GIÁ XE BUÝT CHO 1KM VẬN DOANH, ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2009**Đối với các tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn quận hoặc vừa hoạt động trên địa bàn quận vừa hoạt động trên địa bàn huyện***(Ban hành kèm theo Quyết định số 77/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)***Tính theo các thông số:**

- Tiền lương tối thiểu vùng: **800.000** đồng/tháng
- Hệ số điều chỉnh lương TT: **1.00**
- Km vận doanh một ca xe: **90** km/xe/ca
- Đơn giá nhiên liệu: Xăng A92 = **11.000** đồng/lít; Dầu DO 0,05S = **11.000** đồng/lít; Nhớt = **37.400** đồng/lít
- Chi phí quản lý chung: **5%** Chi phí Ca máy
- Lợi nhuận định mức: **4.50%** Chi phí trực tiếp + Chi phí quản lý chung
- Phương pháp tính theo Thông tư số 06/2008/TT-BXD

| Stt | Hạng mục | Nhóm 1 | Nhóm 2A | Nhóm 2B | Nhóm 3A | Nhóm 3B | Nhóm 4A | Nhóm 4B | 2 tầng |
|----------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| | | Dưới 20HK (12 ghế) Không ML | 20-40HK (17-25 ghế) Máy lạnh | 20-40HK (17- 25 ghế) Không ML | 40-60HK (26-38 ghế) Máy lạnh | 40-60HK (26-38 ghế) Không ML | 60-80HK (≥ 39 ghế) Máy lạnh | 60-80HK (≥ 39 ghế) Máy lạnh | Trên 80HK (87 ghế) Máy lạnh |
| 1 | Chi phí nhân công trực tiếp | 78.443 | 156.887 | 156.887 | 183.820 | 183.820 | 215.467 | 215.467 | 250.480 |
| | Tiếp viên | 78.443 | 156.887 | 156.887 | 183.820 | 183.820 | 215.467 | 215.467 | 250.480 |
| 2 | Chi phí ca máy | 267.421 | 573.734 | 480.032 | 782.023 | 597.161 | 960.394 | 1.062.981 | 1.470.626 |
| 3 | Chi phí quản lý chung | 13.371 | 28.687 | 24.002 | 39.101 | 29.858 | 48.020 | 53.149 | 73.531 |
| 4 | Lợi nhuận định mức | 16.166 | 34.169 | 29.741 | 45.222 | 36.488 | 55.075 | 59.922 | 80.759 |
| | GIÁ THÀNH 1 CA (đồng/ca) | 375.401 | 793.476 | 690.661 | 1.050.167 | 847.326 | 1.278.955 | 1.391.518 | 1.875.396 |
| | GIÁ THÀNH 1 KM (đồng/km) | 4.171 | 8.816 | 7.674 | 11.669 | 9.415 | 14.211 | 15.461 | 20.838 |

PHỤ LỤC 2: ĐƠN GIÁ XE BUÝT CHO 1KM VẬN DOANH, ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2009

Đối với các tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn huyện

(Ban hành kèm theo Quyết định số 77/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Tính theo các thông số:

- Tiền lương tối thiểu vùng: **740.000** đồng/tháng
- Hệ số điều chỉnh lương TT: **1.00**
- Km vận doanh một ca xe: **90** km/xe/ca
- Đơn giá nhiên liệu: Xăng A92 = **11.000** đồng/lít; Dầu DO 0,05S = **11.000** đồng/lít; Nhớt = **37.400** đồng/lít
- Chi phí quản lý chung: **5.0%** Chi phí Ca máy
- Lợi nhuận định mức: **4.5%** Chi phí trực tiếp + Chi phí quản lý chung
- Phương pháp tính theo Thông tư số 06/2008/TT-BXD

| Stt | Hạng mục | Nhóm 1 | Nhóm 2A | Nhóm 2B | Nhóm 3A | Nhóm 3B | Nhóm 4A | Nhóm 4B | 2 tầng |
|----------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| | | Dưới 20HK (12 ghế) Không ML | 20-40HK (17-25 ghế) Máy lạnh | 20-40HK (17-25 ghế) Không ML | 40-60HK (26-38 ghế) Máy lạnh | 40-60HK (26-38 ghế) Không ML | 60-80HK (≥ 39 ghế) Máy lạnh | 60-80HK (≥ 39 ghế) Máy lạnh | Trên 80HK (87 ghế) Máy lạnh |
| 1 | Chi phí nhân công trực tiếp | 72.560 | 145.120 | 145.120 | 170.034 | 170.034 | 199.307 | 199.307 | 231.694 |
| | Tiếp viên | 72.560 | 145.120 | 145.120 | 170.034 | 170.034 | 199.307 | 199.307 | 231.694 |
| 2 | Chi phí ca máy | 259.720 | 565.527 | 471.825 | 773.337 | 588.475 | 951.203 | 1.053.790 | 1.460.249 |
| 3 | Chi phí quản lý chung | 12.986 | 28.276 | 23.591 | 38.667 | 29.424 | 47.560 | 52.689 | 73.012 |
| 4 | Lợi nhuận định mức | 15.537 | 33.252 | 28.824 | 44.192 | 35.457 | 53.913 | 58.760 | 79.423 |
| | GIÁ THÀNH 1 CA (đồng/ca) | 360.803 | 772.176 | 669.361 | 1.026.229 | 823.389 | 1.251.983 | 1.364.546 | 1.844.378 |
| | GIÁ THÀNH 1 KM (đồng/km) | 4.009 | 8.580 | 7.437 | 11.403 | 9.149 | 13.911 | 15.162 | 20.493 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 3a: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐƠN GIÁ THEO Lnd
Đối với các tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn quận
hoặc vừa hoạt động trên địa bàn quận vừa hoạt động trên địa bàn huyện
(Ban hành kèm theo Quyết định số 77/2009/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

| Lnd (km) | Hệ số điều chỉnh đơn giá theo Lnd | | | | | | | |
|-------------|-----------------------------------|------------|--------|--------|------------|---------|------------|--------|
| | Nhóm 1 | Nhóm 2A | Nhóm2B | Nhóm3A | Nhóm 3B | Nhóm 4A | Nhóm 4B | 2 tầng |
| 180 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 |
| 90 | 1,5212 | 1,4261 | 1,4721 | 1,3839 | 1,4456 | 1,3645 | 1,3651 | 1,3247 |
| 91 | 1,5098 | 1,4167 | 1,4617 | 1,3755 | 1,4359 | 1,3565 | 1,3570 | 1,3176 |
| 92 | 1,4986 | 1,4076 | 1,4516 | 1,3672 | 1,4263 | 1,3486 | 1,3492 | 1,3106 |
| 93 | 1,4876 | 1,3986 | 1,4417 | 1,3592 | 1,4169 | 1,3410 | 1,3415 | 1,3038 |
| 94 | 1,4769 | 1,3898 | 1,4319 | 1,3513 | 1,4077 | 1,3335 | 1,3340 | 1,2971 |
| 95 | 1,4664 | 1,3813 | 1,4224 | 1,3435 | 1,3987 | 1,3261 | 1,3266 | 1,2905 |
| 96 | 1,4561 | 1,3728 | 1,4131 | 1,3359 | 1,3899 | 1,3189 | 1,3194 | 1,2841 |
| 97 | 1,4460 | 1,3646 | 1,4040 | 1,3285 | 1,3813 | 1,3119 | 1,3124 | 1,2779 |
| 98 | 1,4361 | 1,3565 | 1,3950 | 1,3213 | 1,3729 | 1,3050 | 1,3055 | 1,2717 |
| 99 | 1,4264 | 1,3486 | 1,3863 | 1,3141 | 1,3646 | 1,2982 | 1,2987 | 1,2657 |
| 100 | 1,4170 | 1,3409 | 1,3777 | 1,3072 | 1,3565 | 1,2916 | 1,2920 | 1,2598 |
| 101 | 1,4077 | 1,3333 | 1,3693 | 1,3003 | 1,3486 | 1,2851 | 1,2855 | 1,2540 |
| 102 | 1,3986 | 1,3258 | 1,3610 | 1,2936 | 1,3408 | 1,2787 | 1,2792 | 1,2483 |
| 103 | 1,3896 | 1,3185 | 1,3529 | 1,2870 | 1,3332 | 1,2725 | 1,2729 | 1,2428 |
| 104 | 1,3809 | 1,3114 | 1,3450 | 1,2806 | 1,3257 | 1,2663 | 1,2668 | 1,2373 |
| 105 | 1,3723 | 1,3044 | 1,3372 | 1,2742 | 1,3183 | 1,2603 | 1,2608 | 1,2320 |
| 106 | 1,3639 | 1,2975 | 1,3296 | 1,2680 | 1,3111 | 1,2544 | 1,2548 | 1,2267 |
| 107 | 1,3556 | 1,2907 | 1,3221 | 1,2619 | 1,3040 | 1,2487 | 1,2491 | 1,2215 |
| 108 | 1,3475 | 1,2841 | 1,3147 | 1,2560 | 1,2971 | 1,2430 | 1,2434 | 1,2165 |
| 109 | 1,3395 | 1,2776 | 1,3075 | 1,2501 | 1,2903 | 1,2374 | 1,2378 | 1,2115 |
| 110 | 1,3317 | 1,2712 | 1,3004 | 1,2443 | 1,2836 | 1,2319 | 1,2323 | 1,2066 |
| 111 | 1,3240 | 1,2649 | 1,2935 | 1,2387 | 1,2770 | 1,2266 | 1,2269 | 1,2019 |
| 112 | 1,3165 | 1,2587 | 1,2866 | 1,2331 | 1,2706 | 1,2213 | 1,2216 | 1,1972 |
| 113 | 1,3090 | 1,2526 | 1,2799 | 1,2276 | 1,2642 | 1,2161 | 1,2164 | 1,1925 |
| 114 | 1,3018 | 1,2467 | 1,2733 | 1,2223 | 1,2580 | 1,2110 | 1,2113 | 1,1880 |
| 115 | 1,2946 | 1,2408 | 1,2669 | 1,2170 | 1,2519 | 1,2060 | 1,2063 | 1,1835 |
| 116 | 1,2876 | 1,2351 | 1,2605 | 1,2118 | 1,2459 | 1,2011 | 1,2014 | 1,1792 |
| 117 | 1,2807 | 1,2294 | 1,2542 | 1,2067 | 1,2400 | 1,1963 | 1,1966 | 1,1749 |
| 118 | 1,2739 | 1,2239 | 1,2481 | 1,2017 | 1,2342 | 1,1915 | 1,1918 | 1,1706 |
| 119 | 1,2672 | 1,2184 | 1,2420 | 1,1968 | 1,2284 | 1,1868 | 1,1871 | 1,1665 |
| 120 | 1,2606 | 1,2131 | 1,2361 | 1,1920 | 1,2228 | 1,1822 | 1,1825 | 1,1624 |
| 121 | 1,2541 | 1,2078 | 1,2302 | 1,1872 | 1,2173 | 1,1777 | 1,1780 | 1,1583 |
| 122 | 1,2478 | 1,2026 | 1,2245 | 1,1825 | 1,2119 | 1,1733 | 1,1735 | 1,1544 |
| 123 | 1,2415 | 1,1975 | 1,2188 | 1,1779 | 1,2065 | 1,1689 | 1,1692 | 1,1505 |
| 124 | 1,2354 | 1,1924 | 1,2132 | 1,1734 | 1,2013 | 1,1646 | 1,1649 | 1,1467 |
| 125 | 1,2293 | 1,1875 | 1,2077 | 1,1689 | 1,1961 | 1,1604 | 1,1606 | 1,1429 |
| 126 | 1,2234 | 1,1826 | 1,2023 | 1,1645 | 1,1910 | 1,1562 | 1,1565 | 1,1392 |

| | | | | | | | | |
|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 127 | 1,2175 | 1,1778 | 1,1970 | 1,1602 | 1,1860 | 1,1521 | 1,1523 | 1,1355 |
| 128 | 1,2117 | 1,1731 | 1,1918 | 1,1560 | 1,1810 | 1,1481 | 1,1483 | 1,1319 |
| 129 | 1,2061 | 1,1685 | 1,1867 | 1,1518 | 1,1762 | 1,1441 | 1,1443 | 1,1284 |
| 130 | 1,2005 | 1,1639 | 1,1816 | 1,1477 | 1,1714 | 1,1402 | 1,1404 | 1,1249 |
| 131 | 1,1950 | 1,1594 | 1,1766 | 1,1436 | 1,1667 | 1,1363 | 1,1365 | 1,1215 |
| 132 | 1,1895 | 1,1549 | 1,1717 | 1,1396 | 1,1621 | 1,1325 | 1,1327 | 1,1181 |
| 133 | 1,1842 | 1,1506 | 1,1668 | 1,1357 | 1,1575 | 1,1288 | 1,1290 | 1,1148 |
| 134 | 1,1789 | 1,1463 | 1,1621 | 1,1318 | 1,1530 | 1,1251 | 1,1253 | 1,1115 |
| 135 | 1,1737 | 1,1420 | 1,1574 | 1,1280 | 1,1485 | 1,1215 | 1,1217 | 1,1082 |
| 136 | 1,1686 | 1,1379 | 1,1527 | 1,1242 | 1,1442 | 1,1179 | 1,1181 | 1,1051 |
| 137 | 1,1636 | 1,1337 | 1,1482 | 1,1205 | 1,1399 | 1,1144 | 1,1146 | 1,1019 |
| 138 | 1,1586 | 1,1297 | 1,1437 | 1,1169 | 1,1356 | 1,1109 | 1,1111 | 1,0988 |
| 139 | 1,1537 | 1,1257 | 1,1393 | 1,1132 | 1,1315 | 1,1075 | 1,1077 | 1,0958 |
| 140 | 1,1489 | 1,1217 | 1,1349 | 1,1097 | 1,1273 | 1,1041 | 1,1043 | 1,0928 |
| 141 | 1,1442 | 1,1179 | 1,1306 | 1,1062 | 1,1233 | 1,1008 | 1,1010 | 1,0898 |
| 142 | 1,1395 | 1,1140 | 1,1263 | 1,1027 | 1,1193 | 1,0975 | 1,0977 | 1,0869 |
| 143 | 1,1349 | 1,1103 | 1,1222 | 1,0993 | 1,1153 | 1,0943 | 1,0945 | 1,0840 |
| 144 | 1,1303 | 1,1065 | 1,1180 | 1,0960 | 1,1114 | 1,0911 | 1,0913 | 1,0812 |
| 145 | 1,1258 | 1,1029 | 1,1140 | 1,0927 | 1,1076 | 1,0880 | 1,0881 | 1,0784 |
| 146 | 1,1214 | 1,0992 | 1,1099 | 1,0894 | 1,1038 | 1,0849 | 1,0850 | 1,0756 |
| 147 | 1,1170 | 1,0957 | 1,1060 | 1,0862 | 1,1000 | 1,0818 | 1,0820 | 1,0729 |
| 148 | 1,1127 | 1,0921 | 1,1021 | 1,0830 | 1,0964 | 1,0788 | 1,0789 | 1,0702 |
| 149 | 1,1084 | 1,0887 | 1,0982 | 1,0799 | 1,0927 | 1,0758 | 1,0760 | 1,0676 |
| 150 | 1,1042 | 1,0852 | 1,0944 | 1,0768 | 1,0891 | 1,0729 | 1,0730 | 1,0649 |
| 151 | 1,1001 | 1,0818 | 1,0907 | 1,0737 | 1,0856 | 1,0700 | 1,0701 | 1,0624 |
| 152 | 1,0960 | 1,0785 | 1,0870 | 1,0707 | 1,0821 | 1,0671 | 1,0672 | 1,0598 |
| 153 | 1,0920 | 1,0752 | 1,0833 | 1,0678 | 1,0786 | 1,0643 | 1,0644 | 1,0573 |
| 154 | 1,0880 | 1,0719 | 1,0797 | 1,0648 | 1,0752 | 1,0615 | 1,0616 | 1,0548 |
| 155 | 1,0841 | 1,0687 | 1,0761 | 1,0619 | 1,0719 | 1,0588 | 1,0589 | 1,0524 |
| 156 | 1,0802 | 1,0656 | 1,0726 | 1,0591 | 1,0686 | 1,0561 | 1,0562 | 1,0500 |
| 157 | 1,0764 | 1,0624 | 1,0692 | 1,0562 | 1,0653 | 1,0534 | 1,0535 | 1,0476 |
| 158 | 1,0726 | 1,0593 | 1,0657 | 1,0535 | 1,0621 | 1,0507 | 1,0508 | 1,0452 |
| 159 | 1,0688 | 1,0563 | 1,0624 | 1,0507 | 1,0589 | 1,0481 | 1,0482 | 1,0429 |
| 160 | 1,0652 | 1,0533 | 1,0590 | 1,0480 | 1,0557 | 1,0456 | 1,0456 | 1,0406 |
| 161 | 1,0615 | 1,0503 | 1,0557 | 1,0453 | 1,0526 | 1,0430 | 1,0431 | 1,0383 |
| 162 | 1,0579 | 1,0473 | 1,0525 | 1,0427 | 1,0495 | 1,0405 | 1,0406 | 1,0361 |
| 163 | 1,0544 | 1,0444 | 1,0492 | 1,0400 | 1,0465 | 1,0380 | 1,0381 | 1,0339 |
| 164 | 1,0509 | 1,0416 | 1,0461 | 1,0375 | 1,0435 | 1,0356 | 1,0356 | 1,0317 |
| 165 | 1,0474 | 1,0387 | 1,0429 | 1,0349 | 1,0405 | 1,0331 | 1,0332 | 1,0295 |
| 166 | 1,0440 | 1,0359 | 1,0398 | 1,0324 | 1,0376 | 1,0307 | 1,0308 | 1,0274 |
| 167 | 1,0406 | 1,0332 | 1,0368 | 1,0299 | 1,0347 | 1,0284 | 1,0284 | 1,0253 |
| 168 | 1,0372 | 1,0304 | 1,0337 | 1,0274 | 1,0318 | 1,0260 | 1,0261 | 1,0232 |
| 169 | 1,0339 | 1,0277 | 1,0307 | 1,0250 | 1,0290 | 1,0237 | 1,0238 | 1,0211 |
| 170 | 1,0307 | 1,0251 | 1,0278 | 1,0226 | 1,0262 | 1,0214 | 1,0215 | 1,0191 |
| 171 | 1,0274 | 1,0224 | 1,0248 | 1,0202 | 1,0235 | 1,0192 | 1,0192 | 1,0171 |
| 172 | 1,0242 | 1,0198 | 1,0220 | 1,0179 | 1,0207 | 1,0170 | 1,0170 | 1,0151 |

| | | | | | | | | |
|-----|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| 173 | 1,0211 | 1,0172 | 1,0191 | 1,0155 | 1,0180 | 1,0147 | 1,0148 | 1,0131 |
| 174 | 1,0180 | 1,0147 | 1,0163 | 1,0132 | 1,0154 | 1,0126 | 1,0126 | 1,0112 |
| 175 | 1,0149 | 1,0122 | 1,0135 | 1,0110 | 1,0127 | 1,0104 | 1,0104 | 1,0093 |
| 176 | 1,0118 | 1,0097 | 1,0107 | 1,0087 | 1,0101 | 1,0083 | 1,0083 | 1,0074 |
| 177 | 1,0088 | 1,0072 | 1,0080 | 1,0065 | 1,0076 | 1,0062 | 1,0062 | 1,0055 |
| 178 | 1,0059 | 1,0048 | 1,0053 | 1,0043 | 1,0050 | 1,0041 | 1,0041 | 1,0036 |
| 179 | 1,0029 | 1,0024 | 1,0026 | 1,0021 | 1,0025 | 1,0020 | 1,0020 | 1,0018 |
| 180 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 |
| 181 | 0,9998 | 0,9995 | 0,9995 | 0,9995 | 0,9995 | 0,9994 | 0,9993 | 0,9994 |
| 182 | 0,9996 | 0,9990 | 0,9990 | 0,9989 | 0,9990 | 0,9989 | 0,9987 | 0,9987 |
| 183 | 0,9994 | 0,9985 | 0,9986 | 0,9984 | 0,9985 | 0,9984 | 0,9980 | 0,9981 |
| 184 | 0,9992 | 0,9980 | 0,9981 | 0,9979 | 0,9980 | 0,9978 | 0,9973 | 0,9974 |
| 185 | 0,9990 | 0,9976 | 0,9977 | 0,9973 | 0,9975 | 0,9973 | 0,9967 | 0,9968 |
| 186 | 0,9988 | 0,9971 | 0,9972 | 0,9968 | 0,9970 | 0,9968 | 0,9961 | 0,9962 |
| 187 | 0,9986 | 0,9966 | 0,9968 | 0,9963 | 0,9966 | 0,9962 | 0,9954 | 0,9956 |
| 188 | 0,9984 | 0,9961 | 0,9963 | 0,9958 | 0,9961 | 0,9957 | 0,9948 | 0,9950 |
| 189 | 0,9982 | 0,9957 | 0,9959 | 0,9953 | 0,9956 | 0,9952 | 0,9942 | 0,9944 |
| 190 | 0,9980 | 0,9952 | 0,9954 | 0,9948 | 0,9952 | 0,9947 | 0,9936 | 0,9938 |
| 191 | 0,9978 | 0,9948 | 0,9950 | 0,9943 | 0,9947 | 0,9942 | 0,9930 | 0,9932 |
| 192 | 0,9976 | 0,9943 | 0,9946 | 0,9938 | 0,9942 | 0,9937 | 0,9924 | 0,9927 |
| 193 | 0,9974 | 0,9939 | 0,9942 | 0,9934 | 0,9938 | 0,9933 | 0,9918 | 0,9921 |
| 194 | 0,9972 | 0,9935 | 0,9938 | 0,9929 | 0,9934 | 0,9928 | 0,9912 | 0,9915 |
| 195 | 0,9970 | 0,9930 | 0,9933 | 0,9924 | 0,9929 | 0,9923 | 0,9906 | 0,9910 |
| 196 | 0,9968 | 0,9926 | 0,9929 | 0,9919 | 0,9925 | 0,9918 | 0,9900 | 0,9904 |
| 197 | 0,9967 | 0,9922 | 0,9925 | 0,9915 | 0,9921 | 0,9914 | 0,9895 | 0,9899 |
| 198 | 0,9965 | 0,9918 | 0,9921 | 0,9910 | 0,9916 | 0,9909 | 0,9889 | 0,9893 |
| 199 | 0,9963 | 0,9914 | 0,9917 | 0,9906 | 0,9912 | 0,9904 | 0,9883 | 0,9888 |
| 200 | 0,9961 | 0,9910 | 0,9913 | 0,9901 | 0,9908 | 0,9900 | 0,9878 | 0,9883 |
| 201 | 0,9960 | 0,9905 | 0,9910 | 0,9897 | 0,9904 | 0,9895 | 0,9872 | 0,9877 |
| 202 | 0,9958 | 0,9901 | 0,9906 | 0,9893 | 0,9900 | 0,9891 | 0,9867 | 0,9872 |
| 203 | 0,9956 | 0,9897 | 0,9902 | 0,9888 | 0,9896 | 0,9886 | 0,9862 | 0,9867 |
| 204 | 0,9954 | 0,9894 | 0,9898 | 0,9884 | 0,9892 | 0,9882 | 0,9856 | 0,9862 |
| 205 | 0,9953 | 0,9890 | 0,9894 | 0,9880 | 0,9888 | 0,9878 | 0,9851 | 0,9857 |
| 206 | 0,9951 | 0,9886 | 0,9891 | 0,9876 | 0,9884 | 0,9874 | 0,9846 | 0,9852 |
| 207 | 0,9949 | 0,9882 | 0,9887 | 0,9871 | 0,9880 | 0,9869 | 0,9841 | 0,9847 |
| 208 | 0,9948 | 0,9878 | 0,9883 | 0,9867 | 0,9876 | 0,9865 | 0,9836 | 0,9842 |
| 209 | 0,9946 | 0,9874 | 0,9880 | 0,9863 | 0,9872 | 0,9861 | 0,9831 | 0,9837 |
| 210 | 0,9945 | 0,9871 | 0,9876 | 0,9859 | 0,9869 | 0,9857 | 0,9826 | 0,9832 |
| 211 | 0,9943 | 0,9867 | 0,9873 | 0,9855 | 0,9865 | 0,9853 | 0,9821 | 0,9828 |
| 212 | 0,9942 | 0,9863 | 0,9869 | 0,9851 | 0,9861 | 0,9849 | 0,9816 | 0,9823 |
| 213 | 0,9940 | 0,9860 | 0,9866 | 0,9847 | 0,9857 | 0,9845 | 0,9811 | 0,9818 |
| 214 | 0,9938 | 0,9856 | 0,9862 | 0,9843 | 0,9854 | 0,9841 | 0,9806 | 0,9813 |
| 215 | 0,9937 | 0,9853 | 0,9859 | 0,9839 | 0,9850 | 0,9837 | 0,9801 | 0,9809 |
| 216 | 0,9935 | 0,9849 | 0,9856 | 0,9836 | 0,9847 | 0,9833 | 0,9796 | 0,9804 |
| 217 | 0,9934 | 0,9846 | 0,9852 | 0,9832 | 0,9843 | 0,9829 | 0,9792 | 0,9800 |
| 218 | 0,9932 | 0,9842 | 0,9849 | 0,9828 | 0,9840 | 0,9825 | 0,9787 | 0,9795 |

| | | | | | | | | |
|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 219 | 0,9931 | 0,9839 | 0,9846 | 0,9824 | 0,9836 | 0,9822 | 0,9782 | 0,9791 |
| 220 | 0,9930 | 0,9835 | 0,9843 | 0,9821 | 0,9833 | 0,9818 | 0,9778 | 0,9787 |
| 221 | 0,9928 | 0,9832 | 0,9839 | 0,9817 | 0,9829 | 0,9814 | 0,9773 | 0,9782 |
| 222 | 0,9927 | 0,9829 | 0,9836 | 0,9813 | 0,9826 | 0,9810 | 0,9769 | 0,9778 |
| 223 | 0,9925 | 0,9826 | 0,9833 | 0,9810 | 0,9823 | 0,9807 | 0,9764 | 0,9774 |
| 224 | 0,9924 | 0,9822 | 0,9830 | 0,9806 | 0,9819 | 0,9803 | 0,9760 | 0,9769 |
| 225 | 0,9923 | 0,9819 | 0,9827 | 0,9803 | 0,9816 | 0,9800 | 0,9756 | 0,9765 |
| 226 | 0,9921 | 0,9816 | 0,9824 | 0,9799 | 0,9813 | 0,9796 | 0,9751 | 0,9761 |
| 227 | 0,9920 | 0,9813 | 0,9821 | 0,9796 | 0,9809 | 0,9793 | 0,9747 | 0,9757 |
| 228 | 0,9918 | 0,9809 | 0,9818 | 0,9792 | 0,9806 | 0,9789 | 0,9743 | 0,9753 |
| 229 | 0,9917 | 0,9806 | 0,9815 | 0,9789 | 0,9803 | 0,9786 | 0,9739 | 0,9749 |
| 230 | 0,9916 | 0,9803 | 0,9812 | 0,9786 | 0,9800 | 0,9782 | 0,9734 | 0,9745 |
| 231 | 0,9914 | 0,9800 | 0,9809 | 0,9782 | 0,9797 | 0,9779 | 0,9730 | 0,9741 |
| 232 | 0,9913 | 0,9797 | 0,9806 | 0,9779 | 0,9794 | 0,9775 | 0,9726 | 0,9737 |
| 233 | 0,9912 | 0,9794 | 0,9803 | 0,9776 | 0,9791 | 0,9772 | 0,9722 | 0,9733 |
| 234 | 0,9911 | 0,9791 | 0,9800 | 0,9772 | 0,9788 | 0,9769 | 0,9718 | 0,9729 |
| 235 | 0,9909 | 0,9788 | 0,9797 | 0,9769 | 0,9785 | 0,9766 | 0,9714 | 0,9725 |
| 236 | 0,9908 | 0,9785 | 0,9795 | 0,9766 | 0,9782 | 0,9762 | 0,9710 | 0,9721 |
| 237 | 0,9907 | 0,9782 | 0,9792 | 0,9763 | 0,9779 | 0,9759 | 0,9706 | 0,9718 |
| 238 | 0,9906 | 0,9779 | 0,9789 | 0,9760 | 0,9776 | 0,9756 | 0,9702 | 0,9714 |
| 239 | 0,9904 | 0,9777 | 0,9786 | 0,9757 | 0,9773 | 0,9753 | 0,9698 | 0,9710 |
| 240 | 0,9903 | 0,9774 | 0,9784 | 0,9753 | 0,9770 | 0,9750 | 0,9695 | 0,9707 |
| 241 | 0,9902 | 0,9771 | 0,9781 | 0,9750 | 0,9767 | 0,9746 | 0,9691 | 0,9703 |
| 242 | 0,9901 | 0,9768 | 0,9778 | 0,9747 | 0,9764 | 0,9743 | 0,9687 | 0,9699 |
| 243 | 0,9900 | 0,9765 | 0,9776 | 0,9744 | 0,9761 | 0,9740 | 0,9683 | 0,9696 |
| 244 | 0,9898 | 0,9763 | 0,9773 | 0,9741 | 0,9759 | 0,9737 | 0,9680 | 0,9692 |
| 245 | 0,9897 | 0,9760 | 0,9770 | 0,9738 | 0,9756 | 0,9734 | 0,9676 | 0,9689 |
| 246 | 0,9896 | 0,9757 | 0,9768 | 0,9735 | 0,9753 | 0,9731 | 0,9672 | 0,9685 |
| 247 | 0,9895 | 0,9755 | 0,9765 | 0,9732 | 0,9750 | 0,9728 | 0,9669 | 0,9682 |
| 248 | 0,9894 | 0,9752 | 0,9763 | 0,9730 | 0,9748 | 0,9725 | 0,9665 | 0,9678 |
| 249 | 0,9893 | 0,9749 | 0,9760 | 0,9727 | 0,9745 | 0,9722 | 0,9662 | 0,9675 |
| 250 | 0,9892 | 0,9747 | 0,9758 | 0,9724 | 0,9742 | 0,9719 | 0,9658 | 0,9671 |
| 251 | 0,9890 | 0,9744 | 0,9755 | 0,9721 | 0,9740 | 0,9717 | 0,9655 | 0,9668 |
| 252 | 0,9889 | 0,9741 | 0,9753 | 0,9718 | 0,9737 | 0,9714 | 0,9651 | 0,9665 |
| 253 | 0,9888 | 0,9739 | 0,9750 | 0,9715 | 0,9734 | 0,9711 | 0,9648 | 0,9661 |
| 254 | 0,9887 | 0,9736 | 0,9748 | 0,9713 | 0,9732 | 0,9708 | 0,9644 | 0,9658 |
| 255 | 0,9886 | 0,9734 | 0,9745 | 0,9710 | 0,9729 | 0,9705 | 0,9641 | 0,9655 |
| 256 | 0,9885 | 0,9731 | 0,9743 | 0,9707 | 0,9727 | 0,9703 | 0,9637 | 0,9652 |
| 257 | 0,9884 | 0,9729 | 0,9741 | 0,9705 | 0,9724 | 0,9700 | 0,9634 | 0,9648 |
| 258 | 0,9883 | 0,9726 | 0,9738 | 0,9702 | 0,9722 | 0,9697 | 0,9631 | 0,9645 |
| 259 | 0,9882 | 0,9724 | 0,9736 | 0,9699 | 0,9719 | 0,9694 | 0,9627 | 0,9642 |
| 260 | 0,9881 | 0,9722 | 0,9734 | 0,9697 | 0,9717 | 0,9692 | 0,9624 | 0,9639 |
| 261 | 0,9880 | 0,9719 | 0,9731 | 0,9694 | 0,9714 | 0,9689 | 0,9621 | 0,9636 |
| 262 | 0,9879 | 0,9717 | 0,9729 | 0,9691 | 0,9712 | 0,9686 | 0,9618 | 0,9633 |
| 263 | 0,9878 | 0,9714 | 0,9727 | 0,9689 | 0,9710 | 0,9684 | 0,9615 | 0,9630 |
| 264 | 0,9877 | 0,9712 | 0,9725 | 0,9686 | 0,9707 | 0,9681 | 0,9611 | 0,9626 |

| | | | | | | | | |
|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 265 | 0,9876 | 0,9710 | 0,9722 | 0,9684 | 0,9705 | 0,9679 | 0,9608 | 0,9623 |
| 266 | 0,9875 | 0,9707 | 0,9720 | 0,9681 | 0,9702 | 0,9676 | 0,9605 | 0,9620 |
| 267 | 0,9874 | 0,9705 | 0,9718 | 0,9679 | 0,9700 | 0,9674 | 0,9602 | 0,9617 |
| 268 | 0,9873 | 0,9703 | 0,9716 | 0,9676 | 0,9698 | 0,9671 | 0,9599 | 0,9615 |
| 269 | 0,9872 | 0,9701 | 0,9714 | 0,9674 | 0,9696 | 0,9669 | 0,9596 | 0,9612 |
| 270 | 0,9871 | 0,9698 | 0,9712 | 0,9671 | 0,9693 | 0,9666 | 0,9593 | 0,9609 |
| 271 | 0,9870 | 0,9696 | 0,9709 | 0,9669 | 0,9691 | 0,9664 | 0,9590 | 0,9606 |
| 272 | 0,9869 | 0,9694 | 0,9707 | 0,9666 | 0,9689 | 0,9661 | 0,9587 | 0,9603 |
| 273 | 0,9868 | 0,9692 | 0,9705 | 0,9664 | 0,9687 | 0,9659 | 0,9584 | 0,9600 |
| 274 | 0,9867 | 0,9690 | 0,9703 | 0,9662 | 0,9684 | 0,9656 | 0,9581 | 0,9597 |
| 275 | 0,9866 | 0,9687 | 0,9701 | 0,9659 | 0,9682 | 0,9654 | 0,9578 | 0,9594 |
| 276 | 0,9865 | 0,9685 | 0,9699 | 0,9657 | 0,9680 | 0,9652 | 0,9575 | 0,9592 |
| 277 | 0,9864 | 0,9683 | 0,9697 | 0,9655 | 0,9678 | 0,9649 | 0,9572 | 0,9589 |
| 278 | 0,9863 | 0,9681 | 0,9695 | 0,9652 | 0,9676 | 0,9647 | 0,9569 | 0,9586 |
| 279 | 0,9863 | 0,9679 | 0,9693 | 0,9650 | 0,9673 | 0,9645 | 0,9567 | 0,9583 |
| 280 | 0,9862 | 0,9677 | 0,9691 | 0,9648 | 0,9671 | 0,9642 | 0,9564 | 0,9581 |
| 281 | 0,9861 | 0,9675 | 0,9689 | 0,9646 | 0,9669 | 0,9640 | 0,9561 | 0,9578 |
| 282 | 0,9860 | 0,9673 | 0,9687 | 0,9643 | 0,9667 | 0,9638 | 0,9558 | 0,9575 |
| 283 | 0,9859 | 0,9671 | 0,9685 | 0,9641 | 0,9665 | 0,9635 | 0,9555 | 0,9573 |
| 284 | 0,9858 | 0,9669 | 0,9683 | 0,9639 | 0,9663 | 0,9633 | 0,9553 | 0,9570 |
| 285 | 0,9857 | 0,9667 | 0,9681 | 0,9637 | 0,9661 | 0,9631 | 0,9550 | 0,9568 |
| 286 | 0,9856 | 0,9665 | 0,9679 | 0,9634 | 0,9659 | 0,9629 | 0,9547 | 0,9565 |
| 287 | 0,9856 | 0,9663 | 0,9677 | 0,9632 | 0,9657 | 0,9626 | 0,9545 | 0,9562 |
| 288 | 0,9855 | 0,9661 | 0,9675 | 0,9630 | 0,9655 | 0,9624 | 0,9542 | 0,9560 |
| 289 | 0,9854 | 0,9659 | 0,9674 | 0,9628 | 0,9653 | 0,9622 | 0,9539 | 0,9557 |
| 290 | 0,9853 | 0,9657 | 0,9672 | 0,9626 | 0,9651 | 0,9620 | 0,9537 | 0,9555 |
| 291 | 0,9852 | 0,9655 | 0,9670 | 0,9624 | 0,9649 | 0,9618 | 0,9534 | 0,9552 |
| 292 | 0,9851 | 0,9653 | 0,9668 | 0,9622 | 0,9647 | 0,9616 | 0,9532 | 0,9550 |
| 293 | 0,9851 | 0,9651 | 0,9666 | 0,9620 | 0,9645 | 0,9614 | 0,9529 | 0,9547 |
| 294 | 0,9850 | 0,9649 | 0,9664 | 0,9618 | 0,9643 | 0,9612 | 0,9526 | 0,9545 |
| 295 | 0,9849 | 0,9647 | 0,9663 | 0,9616 | 0,9641 | 0,9609 | 0,9524 | 0,9542 |
| 296 | 0,9848 | 0,9645 | 0,9661 | 0,9614 | 0,9639 | 0,9607 | 0,9521 | 0,9540 |
| 297 | 0,9847 | 0,9644 | 0,9659 | 0,9611 | 0,9637 | 0,9605 | 0,9519 | 0,9538 |
| 298 | 0,9847 | 0,9642 | 0,9657 | 0,9609 | 0,9636 | 0,9603 | 0,9516 | 0,9535 |
| 299 | 0,9846 | 0,9640 | 0,9656 | 0,9607 | 0,9634 | 0,9601 | 0,9514 | 0,9533 |
| 300 | 0,9845 | 0,9638 | 0,9654 | 0,9606 | 0,9632 | 0,9599 | 0,9511 | 0,9530 |
| 301 | 0,9844 | 0,9636 | 0,9652 | 0,9604 | 0,9630 | 0,9597 | 0,9509 | 0,9528 |
| 302 | 0,9844 | 0,9634 | 0,9650 | 0,9602 | 0,9628 | 0,9595 | 0,9507 | 0,9526 |
| 303 | 0,9843 | 0,9633 | 0,9649 | 0,9600 | 0,9626 | 0,9593 | 0,9504 | 0,9523 |
| 304 | 0,9842 | 0,9631 | 0,9647 | 0,9598 | 0,9625 | 0,9591 | 0,9502 | 0,9521 |
| 305 | 0,9841 | 0,9629 | 0,9645 | 0,9596 | 0,9623 | 0,9589 | 0,9499 | 0,9519 |
| 306 | 0,9841 | 0,9627 | 0,9644 | 0,9594 | 0,9621 | 0,9587 | 0,9497 | 0,9517 |
| 307 | 0,9840 | 0,9626 | 0,9642 | 0,9592 | 0,9619 | 0,9586 | 0,9495 | 0,9514 |
| 308 | 0,9839 | 0,9624 | 0,9640 | 0,9590 | 0,9618 | 0,9584 | 0,9492 | 0,9512 |
| 309 | 0,9838 | 0,9622 | 0,9639 | 0,9588 | 0,9616 | 0,9582 | 0,9490 | 0,9510 |
| 310 | 0,9838 | 0,9621 | 0,9637 | 0,9586 | 0,9614 | 0,9580 | 0,9488 | 0,9508 |

| | | | | | | | | |
|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 311 | 0,9837 | 0,9619 | 0,9635 | 0,9585 | 0,9612 | 0,9578 | 0,9486 | 0,9506 |
| 312 | 0,9836 | 0,9617 | 0,9634 | 0,9583 | 0,9611 | 0,9576 | 0,9483 | 0,9503 |
| 313 | 0,9835 | 0,9615 | 0,9632 | 0,9581 | 0,9609 | 0,9574 | 0,9481 | 0,9501 |
| 314 | 0,9835 | 0,9614 | 0,9631 | 0,9579 | 0,9607 | 0,9572 | 0,9479 | 0,9499 |
| 315 | 0,9834 | 0,9612 | 0,9629 | 0,9577 | 0,9606 | 0,9571 | 0,9477 | 0,9497 |
| 316 | 0,9833 | 0,9611 | 0,9628 | 0,9576 | 0,9604 | 0,9569 | 0,9474 | 0,9495 |
| 317 | 0,9833 | 0,9609 | 0,9626 | 0,9574 | 0,9602 | 0,9567 | 0,9472 | 0,9493 |
| 318 | 0,9832 | 0,9607 | 0,9624 | 0,9572 | 0,9601 | 0,9565 | 0,9470 | 0,9491 |
| 319 | 0,9831 | 0,9606 | 0,9623 | 0,9570 | 0,9599 | 0,9563 | 0,9468 | 0,9488 |
| 320 | 0,9831 | 0,9604 | 0,9621 | 0,9569 | 0,9597 | 0,9562 | 0,9466 | 0,9486 |
| 321 | 0,9830 | 0,9603 | 0,9620 | 0,9567 | 0,9596 | 0,9560 | 0,9463 | 0,9484 |
| 322 | 0,9829 | 0,9601 | 0,9618 | 0,9565 | 0,9594 | 0,9558 | 0,9461 | 0,9482 |
| 323 | 0,9829 | 0,9599 | 0,9617 | 0,9563 | 0,9593 | 0,9556 | 0,9459 | 0,9480 |
| 324 | 0,9828 | 0,9598 | 0,9615 | 0,9562 | 0,9591 | 0,9555 | 0,9457 | 0,9478 |
| 325 | 0,9827 | 0,9596 | 0,9614 | 0,9560 | 0,9589 | 0,9553 | 0,9455 | 0,9476 |
| 326 | 0,9827 | 0,9595 | 0,9612 | 0,9558 | 0,9588 | 0,9551 | 0,9453 | 0,9474 |
| 327 | 0,9826 | 0,9593 | 0,9611 | 0,9557 | 0,9586 | 0,9550 | 0,9451 | 0,9472 |
| 328 | 0,9825 | 0,9592 | 0,9609 | 0,9555 | 0,9585 | 0,9548 | 0,9449 | 0,9470 |
| 329 | 0,9825 | 0,9590 | 0,9608 | 0,9553 | 0,9583 | 0,9546 | 0,9447 | 0,9468 |
| 330 | 0,9824 | 0,9589 | 0,9607 | 0,9552 | 0,9582 | 0,9545 | 0,9445 | 0,9466 |
| 331 | 0,9823 | 0,9587 | 0,9605 | 0,9550 | 0,9580 | 0,9543 | 0,9443 | 0,9464 |
| 332 | 0,9823 | 0,9586 | 0,9604 | 0,9548 | 0,9579 | 0,9541 | 0,9441 | 0,9463 |
| 333 | 0,9822 | 0,9584 | 0,9602 | 0,9547 | 0,9577 | 0,9540 | 0,9439 | 0,9461 |
| 334 | 0,9821 | 0,9583 | 0,9601 | 0,9545 | 0,9576 | 0,9538 | 0,9437 | 0,9459 |
| 335 | 0,9821 | 0,9581 | 0,9600 | 0,9544 | 0,9574 | 0,9536 | 0,9435 | 0,9457 |
| 336 | 0,9820 | 0,9580 | 0,9598 | 0,9542 | 0,9573 | 0,9535 | 0,9433 | 0,9455 |
| 337 | 0,9820 | 0,9578 | 0,9597 | 0,9541 | 0,9571 | 0,9533 | 0,9431 | 0,9453 |
| 338 | 0,9819 | 0,9577 | 0,9595 | 0,9539 | 0,9570 | 0,9532 | 0,9429 | 0,9451 |
| 339 | 0,9818 | 0,9576 | 0,9594 | 0,9537 | 0,9568 | 0,9530 | 0,9427 | 0,9449 |
| 340 | 0,9818 | 0,9574 | 0,9593 | 0,9536 | 0,9567 | 0,9529 | 0,9425 | 0,9448 |
| 341 | 0,9817 | 0,9573 | 0,9591 | 0,9534 | 0,9566 | 0,9527 | 0,9423 | 0,9446 |
| 342 | 0,9817 | 0,9571 | 0,9590 | 0,9533 | 0,9564 | 0,9525 | 0,9421 | 0,9444 |
| 343 | 0,9816 | 0,9570 | 0,9589 | 0,9531 | 0,9563 | 0,9524 | 0,9420 | 0,9442 |
| 344 | 0,9815 | 0,9569 | 0,9587 | 0,9530 | 0,9561 | 0,9522 | 0,9418 | 0,9440 |
| 345 | 0,9815 | 0,9567 | 0,9586 | 0,9528 | 0,9560 | 0,9521 | 0,9416 | 0,9439 |
| 346 | 0,9814 | 0,9566 | 0,9585 | 0,9527 | 0,9558 | 0,9519 | 0,9414 | 0,9437 |
| 347 | 0,9814 | 0,9564 | 0,9583 | 0,9525 | 0,9557 | 0,9518 | 0,9412 | 0,9435 |
| 348 | 0,9813 | 0,9563 | 0,9582 | 0,9524 | 0,9556 | 0,9516 | 0,9410 | 0,9433 |
| 349 | 0,9812 | 0,9562 | 0,9581 | 0,9522 | 0,9554 | 0,9515 | 0,9409 | 0,9432 |
| 350 | 0,9812 | 0,9560 | 0,9580 | 0,9521 | 0,9553 | 0,9513 | 0,9407 | 0,9430 |
| 351 | 0,9811 | 0,9559 | 0,9578 | 0,9520 | 0,9552 | 0,9512 | 0,9405 | 0,9428 |
| 352 | 0,9811 | 0,9558 | 0,9577 | 0,9518 | 0,9550 | 0,9510 | 0,9403 | 0,9426 |
| 353 | 0,9810 | 0,9557 | 0,9576 | 0,9517 | 0,9549 | 0,9509 | 0,9401 | 0,9425 |
| 354 | 0,9810 | 0,9555 | 0,9575 | 0,9515 | 0,9548 | 0,9508 | 0,9400 | 0,9423 |
| 355 | 0,9809 | 0,9554 | 0,9573 | 0,9514 | 0,9546 | 0,9506 | 0,9398 | 0,9421 |
| 356 | 0,9809 | 0,9553 | 0,9572 | 0,9512 | 0,9545 | 0,9505 | 0,9396 | 0,9420 |

| | | | | | | | | |
|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 357 | 0,9808 | 0,9551 | 0,9571 | 0,9511 | 0,9544 | 0,9503 | 0,9394 | 0,9418 |
| 358 | 0,9807 | 0,9550 | 0,9570 | 0,9510 | 0,9542 | 0,9502 | 0,9393 | 0,9416 |
| 359 | 0,9807 | 0,9549 | 0,9568 | 0,9508 | 0,9541 | 0,9500 | 0,9391 | 0,9415 |
| 360 | 0,9806 | 0,9548 | 0,9567 | 0,9507 | 0,9540 | 0,9499 | 0,9389 | 0,9413 |
| 361 | 0,9806 | 0,9546 | 0,9566 | 0,9506 | 0,9539 | 0,9498 | 0,9388 | 0,9411 |
| 362 | 0,9805 | 0,9545 | 0,9565 | 0,9504 | 0,9537 | 0,9496 | 0,9386 | 0,9410 |
| 363 | 0,9805 | 0,9544 | 0,9564 | 0,9503 | 0,9536 | 0,9495 | 0,9384 | 0,9408 |
| 364 | 0,9804 | 0,9543 | 0,9563 | 0,9501 | 0,9535 | 0,9494 | 0,9383 | 0,9407 |
| 365 | 0,9804 | 0,9541 | 0,9561 | 0,9500 | 0,9534 | 0,9492 | 0,9381 | 0,9405 |
| 366 | 0,9803 | 0,9540 | 0,9560 | 0,9499 | 0,9532 | 0,9491 | 0,9379 | 0,9403 |
| 367 | 0,9803 | 0,9539 | 0,9559 | 0,9497 | 0,9531 | 0,9490 | 0,9378 | 0,9402 |
| 368 | 0,9802 | 0,9538 | 0,9558 | 0,9496 | 0,9530 | 0,9488 | 0,9376 | 0,9400 |
| 369 | 0,9802 | 0,9537 | 0,9557 | 0,9495 | 0,9529 | 0,9487 | 0,9374 | 0,9399 |
| 370 | 0,9801 | 0,9535 | 0,9556 | 0,9494 | 0,9527 | 0,9486 | 0,9373 | 0,9397 |
| 371 | 0,9801 | 0,9534 | 0,9554 | 0,9492 | 0,9526 | 0,9484 | 0,9371 | 0,9396 |
| 372 | 0,9800 | 0,9533 | 0,9553 | 0,9491 | 0,9525 | 0,9483 | 0,9370 | 0,9394 |
| 373 | 0,9800 | 0,9532 | 0,9552 | 0,9490 | 0,9524 | 0,9482 | 0,9368 | 0,9393 |
| 374 | 0,9799 | 0,9531 | 0,9551 | 0,9488 | 0,9523 | 0,9480 | 0,9366 | 0,9391 |
| 375 | 0,9799 | 0,9529 | 0,9550 | 0,9487 | 0,9521 | 0,9479 | 0,9365 | 0,9390 |
| 376 | 0,9798 | 0,9528 | 0,9549 | 0,9486 | 0,9520 | 0,9478 | 0,9363 | 0,9388 |
| 377 | 0,9798 | 0,9527 | 0,9548 | 0,9485 | 0,9519 | 0,9477 | 0,9362 | 0,9387 |
| 378 | 0,9797 | 0,9526 | 0,9547 | 0,9483 | 0,9518 | 0,9475 | 0,9360 | 0,9385 |
| 379 | 0,9797 | 0,9525 | 0,9546 | 0,9482 | 0,9517 | 0,9474 | 0,9359 | 0,9384 |
| 380 | 0,9796 | 0,9524 | 0,9544 | 0,9481 | 0,9516 | 0,9473 | 0,9357 | 0,9382 |
| 381 | 0,9796 | 0,9523 | 0,9543 | 0,9480 | 0,9515 | 0,9471 | 0,9356 | 0,9381 |
| 382 | 0,9795 | 0,9521 | 0,9542 | 0,9478 | 0,9513 | 0,9470 | 0,9354 | 0,9379 |
| 383 | 0,9795 | 0,9520 | 0,9541 | 0,9477 | 0,9512 | 0,9469 | 0,9353 | 0,9378 |
| 384 | 0,9794 | 0,9519 | 0,9540 | 0,9476 | 0,9511 | 0,9468 | 0,9351 | 0,9376 |
| 385 | 0,9794 | 0,9518 | 0,9539 | 0,9475 | 0,9510 | 0,9467 | 0,9350 | 0,9375 |
| 386 | 0,9793 | 0,9517 | 0,9538 | 0,9474 | 0,9509 | 0,9465 | 0,9348 | 0,9374 |
| 387 | 0,9793 | 0,9516 | 0,9537 | 0,9472 | 0,9508 | 0,9464 | 0,9347 | 0,9372 |
| 388 | 0,9792 | 0,9515 | 0,9536 | 0,9471 | 0,9507 | 0,9463 | 0,9345 | 0,9371 |
| 389 | 0,9792 | 0,9514 | 0,9535 | 0,9470 | 0,9506 | 0,9462 | 0,9344 | 0,9369 |
| 390 | 0,9791 | 0,9513 | 0,9534 | 0,9469 | 0,9504 | 0,9461 | 0,9342 | 0,9368 |
| 391 | 0,9791 | 0,9512 | 0,9533 | 0,9468 | 0,9503 | 0,9459 | 0,9341 | 0,9367 |
| 392 | 0,9791 | 0,9511 | 0,9532 | 0,9467 | 0,9502 | 0,9458 | 0,9339 | 0,9365 |
| 393 | 0,9790 | 0,9510 | 0,9531 | 0,9465 | 0,9501 | 0,9457 | 0,9338 | 0,9364 |
| 394 | 0,9790 | 0,9509 | 0,9530 | 0,9464 | 0,9500 | 0,9456 | 0,9337 | 0,9362 |
| 395 | 0,9789 | 0,9507 | 0,9529 | 0,9463 | 0,9499 | 0,9455 | 0,9335 | 0,9361 |
| 396 | 0,9789 | 0,9506 | 0,9528 | 0,9462 | 0,9498 | 0,9454 | 0,9334 | 0,9360 |
| 397 | 0,9788 | 0,9505 | 0,9527 | 0,9461 | 0,9497 | 0,9452 | 0,9332 | 0,9358 |
| 398 | 0,9788 | 0,9504 | 0,9526 | 0,9460 | 0,9496 | 0,9451 | 0,9331 | 0,9357 |
| 399 | 0,9787 | 0,9503 | 0,9525 | 0,9459 | 0,9495 | 0,9450 | 0,9330 | 0,9356 |
| 400 | 0,9787 | 0,9502 | 0,9524 | 0,9458 | 0,9494 | 0,9449 | 0,9328 | 0,9354 |

PHỤ LỤC 3b: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐƠN GIÁ THEO Lũ
Đối với các tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn huyện
(Ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

| Lũ (km) | Hệ số điều chỉnh đơn giá theo Lũ | | | | | | | 2 tầng |
|------------|----------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|--------|
| | Nhóm 1 | Nhóm 2A | Nhóm 2B | Nhóm 3A | Nhóm 3B | Nhóm 4A | Nhóm 4B | |
| 180 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 |
| 90 | 1,5047 | 1,4120 | 1,4573 | 1,3710 | 1,4313 | 1,3521 | 1,3537 | 1,3144 |
| 91 | 1,4936 | 1,4029 | 1,4473 | 1,3628 | 1,4218 | 1,3443 | 1,3459 | 1,3075 |
| 92 | 1,4827 | 1,3941 | 1,4374 | 1,3549 | 1,4126 | 1,3368 | 1,3383 | 1,3007 |
| 93 | 1,4721 | 1,3854 | 1,4278 | 1,3471 | 1,4035 | 1,3294 | 1,3309 | 1,2941 |
| 94 | 1,4617 | 1,3769 | 1,4184 | 1,3394 | 1,3946 | 1,3221 | 1,3236 | 1,2876 |
| 95 | 1,4515 | 1,3686 | 1,4092 | 1,3319 | 1,3859 | 1,3150 | 1,3165 | 1,2813 |
| 96 | 1,4416 | 1,3605 | 1,4001 | 1,3246 | 1,3774 | 1,3081 | 1,3095 | 1,2751 |
| 97 | 1,4318 | 1,3525 | 1,3913 | 1,3175 | 1,3691 | 1,3013 | 1,3026 | 1,2690 |
| 98 | 1,4223 | 1,3447 | 1,3826 | 1,3104 | 1,3609 | 1,2946 | 1,2959 | 1,2631 |
| 99 | 1,4129 | 1,3371 | 1,3742 | 1,3035 | 1,3529 | 1,2881 | 1,2894 | 1,2572 |
| 100 | 1,4037 | 1,3296 | 1,3658 | 1,2968 | 1,3450 | 1,2817 | 1,2830 | 1,2515 |
| 101 | 1,3947 | 1,3223 | 1,3577 | 1,2902 | 1,3374 | 1,2754 | 1,2766 | 1,2459 |
| 102 | 1,3859 | 1,3151 | 1,3497 | 1,2837 | 1,3298 | 1,2692 | 1,2705 | 1,2404 |
| 103 | 1,3773 | 1,3080 | 1,3419 | 1,2773 | 1,3224 | 1,2632 | 1,2644 | 1,2350 |
| 104 | 1,3688 | 1,3011 | 1,3342 | 1,2711 | 1,3152 | 1,2573 | 1,2585 | 1,2297 |
| 105 | 1,3605 | 1,2943 | 1,3266 | 1,2650 | 1,3081 | 1,2515 | 1,2526 | 1,2246 |
| 106 | 1,3523 | 1,2876 | 1,3193 | 1,2590 | 1,3011 | 1,2458 | 1,2469 | 1,2195 |
| 107 | 1,3443 | 1,2811 | 1,3120 | 1,2531 | 1,2943 | 1,2402 | 1,2413 | 1,2145 |
| 108 | 1,3364 | 1,2747 | 1,3049 | 1,2473 | 1,2875 | 1,2347 | 1,2358 | 1,2096 |
| 109 | 1,3287 | 1,2684 | 1,2979 | 1,2417 | 1,2809 | 1,2293 | 1,2304 | 1,2048 |
| 110 | 1,3211 | 1,2622 | 1,2910 | 1,2361 | 1,2745 | 1,2240 | 1,2251 | 1,2001 |
| 111 | 1,3137 | 1,2561 | 1,2843 | 1,2306 | 1,2681 | 1,2189 | 1,2199 | 1,1954 |
| 112 | 1,3064 | 1,2501 | 1,2777 | 1,2252 | 1,2619 | 1,2138 | 1,2147 | 1,1909 |
| 113 | 1,2992 | 1,2443 | 1,2711 | 1,2200 | 1,2557 | 1,2088 | 1,2097 | 1,1864 |
| 114 | 1,2922 | 1,2385 | 1,2648 | 1,2148 | 1,2497 | 1,2038 | 1,2048 | 1,1820 |
| 115 | 1,2852 | 1,2329 | 1,2585 | 1,2097 | 1,2438 | 1,1990 | 1,1999 | 1,1777 |
| 116 | 1,2784 | 1,2273 | 1,2523 | 1,2047 | 1,2380 | 1,1942 | 1,1951 | 1,1735 |
| 117 | 1,2717 | 1,2218 | 1,2462 | 1,1998 | 1,2322 | 1,1896 | 1,1904 | 1,1693 |
| 118 | 1,2652 | 1,2165 | 1,2403 | 1,1949 | 1,2266 | 1,1850 | 1,1858 | 1,1652 |
| 119 | 1,2587 | 1,2112 | 1,2344 | 1,1902 | 1,2211 | 1,1805 | 1,1813 | 1,1612 |
| 120 | 1,2523 | 1,2060 | 1,2287 | 1,1855 | 1,2157 | 1,1760 | 1,1768 | 1,1572 |
| 121 | 1,2461 | 1,2009 | 1,2230 | 1,1809 | 1,2103 | 1,1717 | 1,1725 | 1,1533 |
| 122 | 1,2399 | 1,1959 | 1,2174 | 1,1764 | 1,2050 | 1,1674 | 1,1681 | 1,1495 |
| 123 | 1,2339 | 1,1909 | 1,2119 | 1,1719 | 1,1999 | 1,1632 | 1,1639 | 1,1457 |
| 124 | 1,2279 | 1,1861 | 1,2065 | 1,1675 | 1,1948 | 1,1590 | 1,1597 | 1,1420 |
| 125 | 1,2220 | 1,1813 | 1,2012 | 1,1632 | 1,1898 | 1,1549 | 1,1556 | 1,1383 |
| 126 | 1,2163 | 1,1766 | 1,1960 | 1,1590 | 1,1848 | 1,1509 | 1,1516 | 1,1347 |

| | | | | | | | | |
|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 127 | 1,2106 | 1,1719 | 1,1908 | 1,1548 | 1,1800 | 1,1469 | 1,1476 | 1,1312 |
| 128 | 1,2050 | 1,1674 | 1,1858 | 1,1507 | 1,1752 | 1,1430 | 1,1437 | 1,1277 |
| 129 | 1,1995 | 1,1629 | 1,1808 | 1,1467 | 1,1705 | 1,1392 | 1,1398 | 1,1243 |
| 130 | 1,1941 | 1,1585 | 1,1759 | 1,1427 | 1,1659 | 1,1354 | 1,1360 | 1,1209 |
| 131 | 1,1888 | 1,1541 | 1,1711 | 1,1388 | 1,1613 | 1,1317 | 1,1323 | 1,1176 |
| 132 | 1,1835 | 1,1498 | 1,1663 | 1,1349 | 1,1568 | 1,1280 | 1,1286 | 1,1143 |
| 133 | 1,1783 | 1,1456 | 1,1616 | 1,1311 | 1,1524 | 1,1244 | 1,1250 | 1,1111 |
| 134 | 1,1732 | 1,1414 | 1,1570 | 1,1274 | 1,1481 | 1,1209 | 1,1214 | 1,1079 |
| 135 | 1,1682 | 1,1373 | 1,1524 | 1,1237 | 1,1438 | 1,1174 | 1,1179 | 1,1048 |
| 136 | 1,1633 | 1,1333 | 1,1480 | 1,1200 | 1,1395 | 1,1139 | 1,1144 | 1,1017 |
| 137 | 1,1584 | 1,1293 | 1,1435 | 1,1164 | 1,1354 | 1,1105 | 1,1110 | 1,0987 |
| 138 | 1,1536 | 1,1254 | 1,1392 | 1,1129 | 1,1313 | 1,1072 | 1,1076 | 1,0957 |
| 139 | 1,1489 | 1,1215 | 1,1349 | 1,1094 | 1,1272 | 1,1038 | 1,1043 | 1,0927 |
| 140 | 1,1442 | 1,1177 | 1,1307 | 1,1060 | 1,1232 | 1,1006 | 1,1011 | 1,0898 |
| 141 | 1,1396 | 1,1140 | 1,1265 | 1,1026 | 1,1193 | 1,0974 | 1,0978 | 1,0870 |
| 142 | 1,1350 | 1,1103 | 1,1224 | 1,0993 | 1,1154 | 1,0942 | 1,0946 | 1,0841 |
| 143 | 1,1306 | 1,1066 | 1,1183 | 1,0960 | 1,1116 | 1,0911 | 1,0915 | 1,0813 |
| 144 | 1,1262 | 1,1030 | 1,1143 | 1,0927 | 1,1078 | 1,0880 | 1,0884 | 1,0786 |
| 145 | 1,1218 | 1,0994 | 1,1104 | 1,0896 | 1,1041 | 1,0850 | 1,0854 | 1,0759 |
| 146 | 1,1175 | 1,0959 | 1,1065 | 1,0864 | 1,1004 | 1,0820 | 1,0824 | 1,0732 |
| 147 | 1,1133 | 1,0925 | 1,1027 | 1,0833 | 1,0968 | 1,0790 | 1,0794 | 1,0706 |
| 148 | 1,1091 | 1,0891 | 1,0989 | 1,0802 | 1,0933 | 1,0761 | 1,0765 | 1,0680 |
| 149 | 1,1050 | 1,0857 | 1,0951 | 1,0772 | 1,0897 | 1,0733 | 1,0736 | 1,0654 |
| 150 | 1,1009 | 1,0824 | 1,0915 | 1,0742 | 1,0863 | 1,0704 | 1,0707 | 1,0629 |
| 151 | 1,0969 | 1,0791 | 1,0878 | 1,0713 | 1,0828 | 1,0676 | 1,0679 | 1,0604 |
| 152 | 1,0930 | 1,0759 | 1,0842 | 1,0683 | 1,0795 | 1,0649 | 1,0652 | 1,0579 |
| 153 | 1,0891 | 1,0727 | 1,0807 | 1,0655 | 1,0761 | 1,0621 | 1,0624 | 1,0555 |
| 154 | 1,0852 | 1,0696 | 1,0772 | 1,0626 | 1,0728 | 1,0594 | 1,0597 | 1,0531 |
| 155 | 1,0814 | 1,0665 | 1,0738 | 1,0598 | 1,0696 | 1,0568 | 1,0570 | 1,0507 |
| 156 | 1,0776 | 1,0634 | 1,0704 | 1,0571 | 1,0664 | 1,0542 | 1,0544 | 1,0484 |
| 157 | 1,0739 | 1,0604 | 1,0670 | 1,0544 | 1,0632 | 1,0516 | 1,0518 | 1,0461 |
| 158 | 1,0703 | 1,0574 | 1,0637 | 1,0517 | 1,0601 | 1,0490 | 1,0492 | 1,0438 |
| 159 | 1,0667 | 1,0544 | 1,0604 | 1,0490 | 1,0570 | 1,0465 | 1,0467 | 1,0415 |
| 160 | 1,0631 | 1,0515 | 1,0572 | 1,0464 | 1,0539 | 1,0440 | 1,0442 | 1,0393 |
| 161 | 1,0596 | 1,0486 | 1,0540 | 1,0438 | 1,0509 | 1,0415 | 1,0417 | 1,0371 |
| 162 | 1,0561 | 1,0458 | 1,0508 | 1,0412 | 1,0479 | 1,0391 | 1,0393 | 1,0349 |
| 163 | 1,0526 | 1,0430 | 1,0477 | 1,0387 | 1,0450 | 1,0367 | 1,0369 | 1,0328 |
| 164 | 1,0492 | 1,0402 | 1,0446 | 1,0362 | 1,0421 | 1,0343 | 1,0345 | 1,0307 |
| 165 | 1,0459 | 1,0375 | 1,0416 | 1,0337 | 1,0392 | 1,0320 | 1,0322 | 1,0286 |
| 166 | 1,0426 | 1,0347 | 1,0386 | 1,0313 | 1,0364 | 1,0297 | 1,0298 | 1,0265 |
| 167 | 1,0393 | 1,0321 | 1,0356 | 1,0289 | 1,0336 | 1,0274 | 1,0275 | 1,0245 |
| 168 | 1,0360 | 1,0294 | 1,0327 | 1,0265 | 1,0308 | 1,0251 | 1,0253 | 1,0225 |
| 169 | 1,0328 | 1,0268 | 1,0298 | 1,0241 | 1,0281 | 1,0229 | 1,0230 | 1,0205 |
| 170 | 1,0297 | 1,0242 | 1,0269 | 1,0218 | 1,0254 | 1,0207 | 1,0208 | 1,0185 |
| 171 | 1,0266 | 1,0217 | 1,0241 | 1,0195 | 1,0227 | 1,0185 | 1,0186 | 1,0165 |
| 172 | 1,0235 | 1,0192 | 1,0213 | 1,0173 | 1,0201 | 1,0164 | 1,0165 | 1,0146 |

| | | | | | | | | |
|-----|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| 173 | 1,0204 | 1,0167 | 1,0185 | 1,0150 | 1,0175 | 1,0142 | 1,0143 | 1,0127 |
| 174 | 1,0174 | 1,0142 | 1,0158 | 1,0128 | 1,0149 | 1,0121 | 1,0122 | 1,0108 |
| 175 | 1,0144 | 1,0118 | 1,0131 | 1,0106 | 1,0123 | 1,0101 | 1,0101 | 1,0090 |
| 176 | 1,0115 | 1,0094 | 1,0104 | 1,0084 | 1,0098 | 1,0080 | 1,0080 | 1,0071 |
| 177 | 1,0086 | 1,0070 | 1,0078 | 1,0063 | 1,0073 | 1,0060 | 1,0060 | 1,0053 |
| 178 | 1,0057 | 1,0046 | 1,0051 | 1,0042 | 1,0048 | 1,0040 | 1,0040 | 1,0035 |
| 179 | 1,0028 | 1,0023 | 1,0026 | 1,0021 | 1,0024 | 1,0020 | 1,0020 | 1,0018 |
| 180 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 | 1,0000 |
| 181 | 0,9998 | 0,9995 | 0,9995 | 0,9994 | 0,9995 | 0,9994 | 0,9993 | 0,9993 |
| 182 | 0,9996 | 0,9990 | 0,9990 | 0,9989 | 0,9990 | 0,9989 | 0,9986 | 0,9987 |
| 183 | 0,9993 | 0,9985 | 0,9985 | 0,9983 | 0,9984 | 0,9983 | 0,9980 | 0,9980 |
| 184 | 0,9991 | 0,9980 | 0,9981 | 0,9978 | 0,9979 | 0,9978 | 0,9973 | 0,9974 |
| 185 | 0,9989 | 0,9975 | 0,9976 | 0,9973 | 0,9974 | 0,9972 | 0,9966 | 0,9968 |
| 186 | 0,9987 | 0,9970 | 0,9971 | 0,9967 | 0,9969 | 0,9967 | 0,9960 | 0,9961 |
| 187 | 0,9985 | 0,9965 | 0,9967 | 0,9962 | 0,9965 | 0,9962 | 0,9953 | 0,9955 |
| 188 | 0,9983 | 0,9960 | 0,9962 | 0,9957 | 0,9960 | 0,9956 | 0,9947 | 0,9949 |
| 189 | 0,9981 | 0,9956 | 0,9957 | 0,9952 | 0,9955 | 0,9951 | 0,9941 | 0,9943 |
| 190 | 0,9979 | 0,9951 | 0,9953 | 0,9947 | 0,9950 | 0,9946 | 0,9934 | 0,9937 |
| 191 | 0,9977 | 0,9946 | 0,9949 | 0,9942 | 0,9945 | 0,9941 | 0,9928 | 0,9931 |
| 192 | 0,9975 | 0,9942 | 0,9944 | 0,9937 | 0,9941 | 0,9936 | 0,9922 | 0,9925 |
| 193 | 0,9973 | 0,9937 | 0,9940 | 0,9932 | 0,9936 | 0,9931 | 0,9916 | 0,9920 |
| 194 | 0,9971 | 0,9933 | 0,9936 | 0,9927 | 0,9932 | 0,9926 | 0,9910 | 0,9914 |
| 195 | 0,9969 | 0,9928 | 0,9931 | 0,9922 | 0,9927 | 0,9921 | 0,9904 | 0,9908 |
| 196 | 0,9967 | 0,9924 | 0,9927 | 0,9918 | 0,9923 | 0,9916 | 0,9898 | 0,9903 |
| 197 | 0,9965 | 0,9920 | 0,9923 | 0,9913 | 0,9918 | 0,9912 | 0,9893 | 0,9897 |
| 198 | 0,9963 | 0,9915 | 0,9919 | 0,9908 | 0,9914 | 0,9907 | 0,9887 | 0,9891 |
| 199 | 0,9962 | 0,9911 | 0,9915 | 0,9904 | 0,9910 | 0,9902 | 0,9881 | 0,9886 |
| 200 | 0,9960 | 0,9907 | 0,9911 | 0,9899 | 0,9905 | 0,9898 | 0,9875 | 0,9881 |
| 201 | 0,9958 | 0,9903 | 0,9907 | 0,9895 | 0,9901 | 0,9893 | 0,9870 | 0,9875 |
| 202 | 0,9956 | 0,9899 | 0,9903 | 0,9890 | 0,9897 | 0,9889 | 0,9864 | 0,9870 |
| 203 | 0,9954 | 0,9895 | 0,9899 | 0,9886 | 0,9893 | 0,9884 | 0,9859 | 0,9865 |
| 204 | 0,9953 | 0,9891 | 0,9895 | 0,9881 | 0,9889 | 0,9880 | 0,9853 | 0,9860 |
| 205 | 0,9951 | 0,9887 | 0,9891 | 0,9877 | 0,9885 | 0,9875 | 0,9848 | 0,9854 |
| 206 | 0,9949 | 0,9883 | 0,9887 | 0,9873 | 0,9880 | 0,9871 | 0,9843 | 0,9849 |
| 207 | 0,9947 | 0,9879 | 0,9884 | 0,9868 | 0,9876 | 0,9867 | 0,9838 | 0,9844 |
| 208 | 0,9946 | 0,9875 | 0,9880 | 0,9864 | 0,9873 | 0,9862 | 0,9832 | 0,9839 |
| 209 | 0,9944 | 0,9871 | 0,9876 | 0,9860 | 0,9869 | 0,9858 | 0,9827 | 0,9834 |
| 210 | 0,9942 | 0,9867 | 0,9872 | 0,9856 | 0,9865 | 0,9854 | 0,9822 | 0,9829 |
| 211 | 0,9941 | 0,9863 | 0,9869 | 0,9852 | 0,9861 | 0,9850 | 0,9817 | 0,9825 |
| 212 | 0,9939 | 0,9860 | 0,9865 | 0,9848 | 0,9857 | 0,9846 | 0,9812 | 0,9820 |
| 213 | 0,9938 | 0,9856 | 0,9862 | 0,9844 | 0,9853 | 0,9841 | 0,9807 | 0,9815 |
| 214 | 0,9936 | 0,9852 | 0,9858 | 0,9840 | 0,9850 | 0,9837 | 0,9802 | 0,9810 |
| 215 | 0,9934 | 0,9849 | 0,9855 | 0,9836 | 0,9846 | 0,9833 | 0,9797 | 0,9806 |
| 216 | 0,9933 | 0,9845 | 0,9851 | 0,9832 | 0,9842 | 0,9829 | 0,9792 | 0,9801 |
| 217 | 0,9931 | 0,9841 | 0,9848 | 0,9828 | 0,9839 | 0,9826 | 0,9788 | 0,9796 |
| 218 | 0,9930 | 0,9838 | 0,9844 | 0,9824 | 0,9835 | 0,9822 | 0,9783 | 0,9792 |

| | | | | | | | | |
|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 219 | 0,9928 | 0,9834 | 0,9841 | 0,9820 | 0,9831 | 0,9818 | 0,9778 | 0,9787 |
| 220 | 0,9927 | 0,9831 | 0,9838 | 0,9817 | 0,9828 | 0,9814 | 0,9774 | 0,9783 |
| 221 | 0,9925 | 0,9827 | 0,9834 | 0,9813 | 0,9824 | 0,9810 | 0,9769 | 0,9779 |
| 222 | 0,9924 | 0,9824 | 0,9831 | 0,9809 | 0,9821 | 0,9806 | 0,9764 | 0,9774 |
| 223 | 0,9922 | 0,9821 | 0,9828 | 0,9805 | 0,9817 | 0,9803 | 0,9760 | 0,9770 |
| 224 | 0,9921 | 0,9817 | 0,9825 | 0,9802 | 0,9814 | 0,9799 | 0,9755 | 0,9766 |
| 225 | 0,9919 | 0,9814 | 0,9821 | 0,9798 | 0,9811 | 0,9795 | 0,9751 | 0,9761 |
| 226 | 0,9918 | 0,9811 | 0,9818 | 0,9795 | 0,9807 | 0,9792 | 0,9746 | 0,9757 |
| 227 | 0,9917 | 0,9807 | 0,9815 | 0,9791 | 0,9804 | 0,9788 | 0,9742 | 0,9753 |
| 228 | 0,9915 | 0,9804 | 0,9812 | 0,9788 | 0,9801 | 0,9785 | 0,9738 | 0,9749 |
| 229 | 0,9914 | 0,9801 | 0,9809 | 0,9784 | 0,9797 | 0,9781 | 0,9733 | 0,9745 |
| 230 | 0,9912 | 0,9798 | 0,9806 | 0,9781 | 0,9794 | 0,9778 | 0,9729 | 0,9741 |
| 231 | 0,9911 | 0,9795 | 0,9803 | 0,9777 | 0,9791 | 0,9774 | 0,9725 | 0,9736 |
| 232 | 0,9910 | 0,9792 | 0,9800 | 0,9774 | 0,9788 | 0,9771 | 0,9721 | 0,9732 |
| 233 | 0,9908 | 0,9788 | 0,9797 | 0,9770 | 0,9785 | 0,9767 | 0,9717 | 0,9728 |
| 234 | 0,9907 | 0,9785 | 0,9794 | 0,9767 | 0,9781 | 0,9764 | 0,9713 | 0,9725 |
| 235 | 0,9906 | 0,9782 | 0,9791 | 0,9764 | 0,9778 | 0,9760 | 0,9708 | 0,9721 |
| 236 | 0,9904 | 0,9779 | 0,9788 | 0,9761 | 0,9775 | 0,9757 | 0,9704 | 0,9717 |
| 237 | 0,9903 | 0,9776 | 0,9785 | 0,9757 | 0,9772 | 0,9754 | 0,9700 | 0,9713 |
| 238 | 0,9902 | 0,9773 | 0,9782 | 0,9754 | 0,9769 | 0,9751 | 0,9696 | 0,9709 |
| 239 | 0,9901 | 0,9770 | 0,9780 | 0,9751 | 0,9766 | 0,9747 | 0,9693 | 0,9705 |
| 240 | 0,9899 | 0,9768 | 0,9777 | 0,9748 | 0,9763 | 0,9744 | 0,9689 | 0,9702 |
| 241 | 0,9898 | 0,9765 | 0,9774 | 0,9745 | 0,9760 | 0,9741 | 0,9685 | 0,9698 |
| 242 | 0,9897 | 0,9762 | 0,9771 | 0,9741 | 0,9757 | 0,9738 | 0,9681 | 0,9694 |
| 243 | 0,9896 | 0,9759 | 0,9768 | 0,9738 | 0,9754 | 0,9735 | 0,9677 | 0,9691 |
| 244 | 0,9894 | 0,9756 | 0,9766 | 0,9735 | 0,9752 | 0,9732 | 0,9673 | 0,9687 |
| 245 | 0,9893 | 0,9753 | 0,9763 | 0,9732 | 0,9749 | 0,9728 | 0,9670 | 0,9683 |
| 246 | 0,9892 | 0,9751 | 0,9760 | 0,9729 | 0,9746 | 0,9725 | 0,9666 | 0,9680 |
| 247 | 0,9891 | 0,9748 | 0,9758 | 0,9726 | 0,9743 | 0,9722 | 0,9662 | 0,9676 |
| 248 | 0,9890 | 0,9745 | 0,9755 | 0,9723 | 0,9740 | 0,9719 | 0,9658 | 0,9673 |
| 249 | 0,9888 | 0,9742 | 0,9753 | 0,9720 | 0,9738 | 0,9716 | 0,9655 | 0,9669 |
| 250 | 0,9887 | 0,9740 | 0,9750 | 0,9717 | 0,9735 | 0,9713 | 0,9651 | 0,9666 |
| 251 | 0,9886 | 0,9737 | 0,9747 | 0,9715 | 0,9732 | 0,9711 | 0,9648 | 0,9662 |
| 252 | 0,9885 | 0,9734 | 0,9745 | 0,9712 | 0,9729 | 0,9708 | 0,9644 | 0,9659 |
| 253 | 0,9884 | 0,9732 | 0,9742 | 0,9709 | 0,9727 | 0,9705 | 0,9641 | 0,9656 |
| 254 | 0,9883 | 0,9729 | 0,9740 | 0,9706 | 0,9724 | 0,9702 | 0,9637 | 0,9652 |
| 255 | 0,9881 | 0,9727 | 0,9737 | 0,9703 | 0,9721 | 0,9699 | 0,9634 | 0,9649 |
| 256 | 0,9880 | 0,9724 | 0,9735 | 0,9700 | 0,9719 | 0,9696 | 0,9630 | 0,9646 |
| 257 | 0,9879 | 0,9721 | 0,9732 | 0,9698 | 0,9716 | 0,9693 | 0,9627 | 0,9642 |
| 258 | 0,9878 | 0,9719 | 0,9730 | 0,9695 | 0,9714 | 0,9691 | 0,9623 | 0,9639 |
| 259 | 0,9877 | 0,9716 | 0,9728 | 0,9692 | 0,9711 | 0,9688 | 0,9620 | 0,9636 |
| 260 | 0,9876 | 0,9714 | 0,9725 | 0,9689 | 0,9709 | 0,9685 | 0,9617 | 0,9633 |
| 261 | 0,9875 | 0,9711 | 0,9723 | 0,9687 | 0,9706 | 0,9682 | 0,9613 | 0,9630 |
| 262 | 0,9874 | 0,9709 | 0,9721 | 0,9684 | 0,9704 | 0,9680 | 0,9610 | 0,9626 |
| 263 | 0,9873 | 0,9707 | 0,9718 | 0,9682 | 0,9701 | 0,9677 | 0,9607 | 0,9623 |
| 264 | 0,9872 | 0,9704 | 0,9716 | 0,9679 | 0,9699 | 0,9674 | 0,9604 | 0,9620 |

| | | | | | | | | |
|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 265 | 0,9871 | 0,9702 | 0,9714 | 0,9676 | 0,9696 | 0,9672 | 0,9600 | 0,9617 |
| 266 | 0,9870 | 0,9699 | 0,9711 | 0,9674 | 0,9694 | 0,9669 | 0,9597 | 0,9614 |
| 267 | 0,9869 | 0,9697 | 0,9709 | 0,9671 | 0,9691 | 0,9667 | 0,9594 | 0,9611 |
| 268 | 0,9868 | 0,9695 | 0,9707 | 0,9669 | 0,9689 | 0,9664 | 0,9591 | 0,9608 |
| 269 | 0,9867 | 0,9692 | 0,9705 | 0,9666 | 0,9687 | 0,9661 | 0,9588 | 0,9605 |
| 270 | 0,9866 | 0,9690 | 0,9702 | 0,9664 | 0,9684 | 0,9659 | 0,9585 | 0,9602 |
| 271 | 0,9865 | 0,9688 | 0,9700 | 0,9661 | 0,9682 | 0,9656 | 0,9582 | 0,9599 |
| 272 | 0,9864 | 0,9685 | 0,9698 | 0,9659 | 0,9680 | 0,9654 | 0,9579 | 0,9596 |
| 273 | 0,9863 | 0,9683 | 0,9696 | 0,9656 | 0,9677 | 0,9651 | 0,9576 | 0,9593 |
| 274 | 0,9862 | 0,9681 | 0,9694 | 0,9654 | 0,9675 | 0,9649 | 0,9573 | 0,9591 |
| 275 | 0,9861 | 0,9679 | 0,9692 | 0,9651 | 0,9673 | 0,9646 | 0,9570 | 0,9588 |
| 276 | 0,9860 | 0,9677 | 0,9689 | 0,9649 | 0,9671 | 0,9644 | 0,9567 | 0,9585 |
| 277 | 0,9859 | 0,9674 | 0,9687 | 0,9647 | 0,9668 | 0,9642 | 0,9564 | 0,9582 |
| 278 | 0,9858 | 0,9672 | 0,9685 | 0,9644 | 0,9666 | 0,9639 | 0,9561 | 0,9579 |
| 279 | 0,9857 | 0,9670 | 0,9683 | 0,9642 | 0,9664 | 0,9637 | 0,9558 | 0,9576 |
| 280 | 0,9856 | 0,9668 | 0,9681 | 0,9640 | 0,9662 | 0,9634 | 0,9555 | 0,9574 |
| 281 | 0,9855 | 0,9666 | 0,9679 | 0,9637 | 0,9660 | 0,9632 | 0,9552 | 0,9571 |
| 282 | 0,9854 | 0,9664 | 0,9677 | 0,9635 | 0,9657 | 0,9630 | 0,9549 | 0,9568 |
| 283 | 0,9853 | 0,9662 | 0,9675 | 0,9633 | 0,9655 | 0,9628 | 0,9547 | 0,9566 |
| 284 | 0,9852 | 0,9659 | 0,9673 | 0,9630 | 0,9653 | 0,9625 | 0,9544 | 0,9563 |
| 285 | 0,9852 | 0,9657 | 0,9671 | 0,9628 | 0,9651 | 0,9623 | 0,9541 | 0,9560 |
| 286 | 0,9851 | 0,9655 | 0,9669 | 0,9626 | 0,9649 | 0,9621 | 0,9538 | 0,9558 |
| 287 | 0,9850 | 0,9653 | 0,9667 | 0,9624 | 0,9647 | 0,9618 | 0,9536 | 0,9555 |
| 288 | 0,9849 | 0,9651 | 0,9665 | 0,9622 | 0,9645 | 0,9616 | 0,9533 | 0,9552 |
| 289 | 0,9848 | 0,9649 | 0,9663 | 0,9619 | 0,9643 | 0,9614 | 0,9530 | 0,9550 |
| 290 | 0,9847 | 0,9647 | 0,9661 | 0,9617 | 0,9641 | 0,9612 | 0,9528 | 0,9547 |
| 291 | 0,9846 | 0,9645 | 0,9659 | 0,9615 | 0,9639 | 0,9610 | 0,9525 | 0,9545 |
| 292 | 0,9845 | 0,9643 | 0,9657 | 0,9613 | 0,9637 | 0,9607 | 0,9522 | 0,9542 |
| 293 | 0,9845 | 0,9641 | 0,9656 | 0,9611 | 0,9635 | 0,9605 | 0,9520 | 0,9540 |
| 294 | 0,9844 | 0,9639 | 0,9654 | 0,9609 | 0,9633 | 0,9603 | 0,9517 | 0,9537 |
| 295 | 0,9843 | 0,9638 | 0,9652 | 0,9607 | 0,9631 | 0,9601 | 0,9514 | 0,9535 |
| 296 | 0,9842 | 0,9636 | 0,9650 | 0,9604 | 0,9629 | 0,9599 | 0,9512 | 0,9532 |
| 297 | 0,9841 | 0,9634 | 0,9648 | 0,9602 | 0,9627 | 0,9597 | 0,9509 | 0,9530 |
| 298 | 0,9840 | 0,9632 | 0,9646 | 0,9600 | 0,9625 | 0,9595 | 0,9507 | 0,9527 |
| 299 | 0,9840 | 0,9630 | 0,9645 | 0,9598 | 0,9623 | 0,9593 | 0,9504 | 0,9525 |
| 300 | 0,9839 | 0,9628 | 0,9643 | 0,9596 | 0,9621 | 0,9591 | 0,9502 | 0,9523 |
| 301 | 0,9838 | 0,9626 | 0,9641 | 0,9594 | 0,9619 | 0,9589 | 0,9499 | 0,9520 |
| 302 | 0,9837 | 0,9624 | 0,9639 | 0,9592 | 0,9617 | 0,9587 | 0,9497 | 0,9518 |
| 303 | 0,9836 | 0,9623 | 0,9637 | 0,9590 | 0,9616 | 0,9585 | 0,9494 | 0,9515 |
| 304 | 0,9836 | 0,9621 | 0,9636 | 0,9588 | 0,9614 | 0,9583 | 0,9492 | 0,9513 |
| 305 | 0,9835 | 0,9619 | 0,9634 | 0,9586 | 0,9612 | 0,9581 | 0,9490 | 0,9511 |
| 306 | 0,9834 | 0,9617 | 0,9632 | 0,9584 | 0,9610 | 0,9579 | 0,9487 | 0,9509 |
| 307 | 0,9833 | 0,9615 | 0,9631 | 0,9583 | 0,9608 | 0,9577 | 0,9485 | 0,9506 |
| 308 | 0,9833 | 0,9614 | 0,9629 | 0,9581 | 0,9606 | 0,9575 | 0,9482 | 0,9504 |
| 309 | 0,9832 | 0,9612 | 0,9627 | 0,9579 | 0,9605 | 0,9573 | 0,9480 | 0,9502 |
| 310 | 0,9831 | 0,9610 | 0,9626 | 0,9577 | 0,9603 | 0,9571 | 0,9478 | 0,9499 |

| | | | | | | | | |
|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 311 | 0,9830 | 0,9608 | 0,9624 | 0,9575 | 0,9601 | 0,9569 | 0,9475 | 0,9497 |
| 312 | 0,9830 | 0,9607 | 0,9622 | 0,9573 | 0,9599 | 0,9567 | 0,9473 | 0,9495 |
| 313 | 0,9829 | 0,9605 | 0,9621 | 0,9571 | 0,9598 | 0,9565 | 0,9471 | 0,9493 |
| 314 | 0,9828 | 0,9603 | 0,9619 | 0,9569 | 0,9596 | 0,9563 | 0,9468 | 0,9491 |
| 315 | 0,9827 | 0,9601 | 0,9617 | 0,9567 | 0,9594 | 0,9561 | 0,9466 | 0,9488 |
| 316 | 0,9827 | 0,9600 | 0,9616 | 0,9566 | 0,9592 | 0,9560 | 0,9464 | 0,9486 |
| 317 | 0,9826 | 0,9598 | 0,9614 | 0,9564 | 0,9591 | 0,9558 | 0,9462 | 0,9484 |
| 318 | 0,9825 | 0,9596 | 0,9612 | 0,9562 | 0,9589 | 0,9556 | 0,9459 | 0,9482 |
| 319 | 0,9824 | 0,9595 | 0,9611 | 0,9560 | 0,9587 | 0,9554 | 0,9457 | 0,9480 |
| 320 | 0,9824 | 0,9593 | 0,9609 | 0,9558 | 0,9586 | 0,9552 | 0,9455 | 0,9478 |
| 321 | 0,9823 | 0,9592 | 0,9608 | 0,9557 | 0,9584 | 0,9550 | 0,9453 | 0,9476 |
| 322 | 0,9822 | 0,9590 | 0,9606 | 0,9555 | 0,9582 | 0,9549 | 0,9451 | 0,9474 |
| 323 | 0,9822 | 0,9588 | 0,9605 | 0,9553 | 0,9581 | 0,9547 | 0,9449 | 0,9472 |
| 324 | 0,9821 | 0,9587 | 0,9603 | 0,9551 | 0,9579 | 0,9545 | 0,9446 | 0,9469 |
| 325 | 0,9820 | 0,9585 | 0,9602 | 0,9550 | 0,9577 | 0,9543 | 0,9444 | 0,9467 |
| 326 | 0,9820 | 0,9584 | 0,9600 | 0,9548 | 0,9576 | 0,9542 | 0,9442 | 0,9465 |
| 327 | 0,9819 | 0,9582 | 0,9599 | 0,9546 | 0,9574 | 0,9540 | 0,9440 | 0,9463 |
| 328 | 0,9818 | 0,9580 | 0,9597 | 0,9545 | 0,9573 | 0,9538 | 0,9438 | 0,9461 |
| 329 | 0,9818 | 0,9579 | 0,9596 | 0,9543 | 0,9571 | 0,9537 | 0,9436 | 0,9459 |
| 330 | 0,9817 | 0,9577 | 0,9594 | 0,9541 | 0,9570 | 0,9535 | 0,9434 | 0,9457 |
| 331 | 0,9816 | 0,9576 | 0,9593 | 0,9540 | 0,9568 | 0,9533 | 0,9432 | 0,9455 |
| 332 | 0,9816 | 0,9574 | 0,9591 | 0,9538 | 0,9566 | 0,9531 | 0,9430 | 0,9454 |
| 333 | 0,9815 | 0,9573 | 0,9590 | 0,9536 | 0,9565 | 0,9530 | 0,9428 | 0,9452 |
| 334 | 0,9814 | 0,9571 | 0,9588 | 0,9535 | 0,9563 | 0,9528 | 0,9426 | 0,9450 |
| 335 | 0,9814 | 0,9570 | 0,9587 | 0,9533 | 0,9562 | 0,9526 | 0,9424 | 0,9448 |
| 336 | 0,9813 | 0,9568 | 0,9585 | 0,9531 | 0,9560 | 0,9525 | 0,9422 | 0,9446 |
| 337 | 0,9812 | 0,9567 | 0,9584 | 0,9530 | 0,9559 | 0,9523 | 0,9420 | 0,9444 |
| 338 | 0,9812 | 0,9565 | 0,9583 | 0,9528 | 0,9557 | 0,9522 | 0,9418 | 0,9442 |
| 339 | 0,9811 | 0,9564 | 0,9581 | 0,9527 | 0,9556 | 0,9520 | 0,9416 | 0,9440 |
| 340 | 0,9810 | 0,9562 | 0,9580 | 0,9525 | 0,9554 | 0,9518 | 0,9414 | 0,9438 |
| 341 | 0,9810 | 0,9561 | 0,9578 | 0,9524 | 0,9553 | 0,9517 | 0,9412 | 0,9436 |
| 342 | 0,9809 | 0,9560 | 0,9577 | 0,9522 | 0,9551 | 0,9515 | 0,9410 | 0,9435 |
| 343 | 0,9809 | 0,9558 | 0,9576 | 0,9520 | 0,9550 | 0,9514 | 0,9408 | 0,9433 |
| 344 | 0,9808 | 0,9557 | 0,9574 | 0,9519 | 0,9549 | 0,9512 | 0,9406 | 0,9431 |
| 345 | 0,9807 | 0,9555 | 0,9573 | 0,9517 | 0,9547 | 0,9511 | 0,9404 | 0,9429 |
| 346 | 0,9807 | 0,9554 | 0,9572 | 0,9516 | 0,9546 | 0,9509 | 0,9402 | 0,9427 |
| 347 | 0,9806 | 0,9552 | 0,9570 | 0,9514 | 0,9544 | 0,9507 | 0,9401 | 0,9426 |
| 348 | 0,9805 | 0,9551 | 0,9569 | 0,9513 | 0,9543 | 0,9506 | 0,9399 | 0,9424 |
| 349 | 0,9805 | 0,9550 | 0,9568 | 0,9511 | 0,9541 | 0,9504 | 0,9397 | 0,9422 |
| 350 | 0,9804 | 0,9548 | 0,9566 | 0,9510 | 0,9540 | 0,9503 | 0,9395 | 0,9420 |
| 351 | 0,9804 | 0,9547 | 0,9565 | 0,9508 | 0,9539 | 0,9501 | 0,9393 | 0,9418 |
| 352 | 0,9803 | 0,9546 | 0,9564 | 0,9507 | 0,9537 | 0,9500 | 0,9391 | 0,9417 |
| 353 | 0,9803 | 0,9544 | 0,9562 | 0,9505 | 0,9536 | 0,9498 | 0,9390 | 0,9415 |
| 354 | 0,9802 | 0,9543 | 0,9561 | 0,9504 | 0,9535 | 0,9497 | 0,9388 | 0,9413 |
| 355 | 0,9801 | 0,9542 | 0,9560 | 0,9503 | 0,9533 | 0,9496 | 0,9386 | 0,9412 |
| 356 | 0,9801 | 0,9540 | 0,9559 | 0,9501 | 0,9532 | 0,9494 | 0,9384 | 0,9410 |

| | | | | | | | | |
|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 357 | 0,9800 | 0,9539 | 0,9557 | 0,9500 | 0,9530 | 0,9493 | 0,9382 | 0,9408 |
| 358 | 0,9800 | 0,9538 | 0,9556 | 0,9498 | 0,9529 | 0,9491 | 0,9381 | 0,9407 |
| 359 | 0,9799 | 0,9536 | 0,9555 | 0,9497 | 0,9528 | 0,9490 | 0,9379 | 0,9405 |
| 360 | 0,9799 | 0,9535 | 0,9553 | 0,9495 | 0,9526 | 0,9488 | 0,9377 | 0,9403 |
| 361 | 0,9798 | 0,9534 | 0,9552 | 0,9494 | 0,9525 | 0,9487 | 0,9375 | 0,9402 |
| 362 | 0,9797 | 0,9532 | 0,9551 | 0,9493 | 0,9524 | 0,9485 | 0,9374 | 0,9400 |
| 363 | 0,9797 | 0,9531 | 0,9550 | 0,9491 | 0,9523 | 0,9484 | 0,9372 | 0,9398 |
| 364 | 0,9796 | 0,9530 | 0,9549 | 0,9490 | 0,9521 | 0,9483 | 0,9370 | 0,9397 |
| 365 | 0,9796 | 0,9529 | 0,9547 | 0,9488 | 0,9520 | 0,9481 | 0,9369 | 0,9395 |
| 366 | 0,9795 | 0,9527 | 0,9546 | 0,9487 | 0,9519 | 0,9480 | 0,9367 | 0,9393 |
| 367 | 0,9795 | 0,9526 | 0,9545 | 0,9486 | 0,9517 | 0,9479 | 0,9365 | 0,9392 |
| 368 | 0,9794 | 0,9525 | 0,9544 | 0,9484 | 0,9516 | 0,9477 | 0,9364 | 0,9390 |
| 369 | 0,9794 | 0,9524 | 0,9543 | 0,9483 | 0,9515 | 0,9476 | 0,9362 | 0,9389 |
| 370 | 0,9793 | 0,9523 | 0,9541 | 0,9482 | 0,9514 | 0,9474 | 0,9360 | 0,9387 |
| 371 | 0,9793 | 0,9521 | 0,9540 | 0,9480 | 0,9512 | 0,9473 | 0,9359 | 0,9385 |
| 372 | 0,9792 | 0,9520 | 0,9539 | 0,9479 | 0,9511 | 0,9472 | 0,9357 | 0,9384 |
| 373 | 0,9792 | 0,9519 | 0,9538 | 0,9478 | 0,9510 | 0,9470 | 0,9356 | 0,9382 |
| 374 | 0,9791 | 0,9518 | 0,9537 | 0,9477 | 0,9509 | 0,9469 | 0,9354 | 0,9381 |
| 375 | 0,9790 | 0,9516 | 0,9536 | 0,9475 | 0,9508 | 0,9468 | 0,9352 | 0,9379 |
| 376 | 0,9790 | 0,9515 | 0,9534 | 0,9474 | 0,9506 | 0,9467 | 0,9351 | 0,9378 |
| 377 | 0,9789 | 0,9514 | 0,9533 | 0,9473 | 0,9505 | 0,9465 | 0,9349 | 0,9376 |
| 378 | 0,9789 | 0,9513 | 0,9532 | 0,9471 | 0,9504 | 0,9464 | 0,9348 | 0,9375 |
| 379 | 0,9788 | 0,9512 | 0,9531 | 0,9470 | 0,9503 | 0,9463 | 0,9346 | 0,9373 |
| 380 | 0,9788 | 0,9511 | 0,9530 | 0,9469 | 0,9502 | 0,9461 | 0,9344 | 0,9372 |
| 381 | 0,9787 | 0,9509 | 0,9529 | 0,9468 | 0,9500 | 0,9460 | 0,9343 | 0,9370 |
| 382 | 0,9787 | 0,9508 | 0,9528 | 0,9466 | 0,9499 | 0,9459 | 0,9341 | 0,9369 |
| 383 | 0,9786 | 0,9507 | 0,9527 | 0,9465 | 0,9498 | 0,9458 | 0,9340 | 0,9367 |
| 384 | 0,9786 | 0,9506 | 0,9526 | 0,9464 | 0,9497 | 0,9456 | 0,9338 | 0,9366 |
| 385 | 0,9785 | 0,9505 | 0,9525 | 0,9463 | 0,9496 | 0,9455 | 0,9337 | 0,9364 |
| 386 | 0,9785 | 0,9504 | 0,9523 | 0,9461 | 0,9495 | 0,9454 | 0,9335 | 0,9363 |
| 387 | 0,9784 | 0,9503 | 0,9522 | 0,9460 | 0,9493 | 0,9453 | 0,9334 | 0,9362 |
| 388 | 0,9784 | 0,9502 | 0,9521 | 0,9459 | 0,9492 | 0,9451 | 0,9332 | 0,9360 |
| 389 | 0,9784 | 0,9500 | 0,9520 | 0,9458 | 0,9491 | 0,9450 | 0,9331 | 0,9359 |
| 390 | 0,9783 | 0,9499 | 0,9519 | 0,9457 | 0,9490 | 0,9449 | 0,9329 | 0,9357 |
| 391 | 0,9783 | 0,9498 | 0,9518 | 0,9455 | 0,9489 | 0,9448 | 0,9328 | 0,9356 |
| 392 | 0,9782 | 0,9497 | 0,9517 | 0,9454 | 0,9488 | 0,9447 | 0,9326 | 0,9354 |
| 393 | 0,9782 | 0,9496 | 0,9516 | 0,9453 | 0,9487 | 0,9445 | 0,9325 | 0,9353 |
| 394 | 0,9781 | 0,9495 | 0,9515 | 0,9452 | 0,9486 | 0,9444 | 0,9323 | 0,9352 |
| 395 | 0,9781 | 0,9494 | 0,9514 | 0,9451 | 0,9485 | 0,9443 | 0,9322 | 0,9350 |
| 396 | 0,9780 | 0,9493 | 0,9513 | 0,9450 | 0,9483 | 0,9442 | 0,9321 | 0,9349 |
| 397 | 0,9780 | 0,9492 | 0,9512 | 0,9448 | 0,9482 | 0,9441 | 0,9319 | 0,9348 |
| 398 | 0,9779 | 0,9491 | 0,9511 | 0,9447 | 0,9481 | 0,9439 | 0,9318 | 0,9346 |
| 399 | 0,9779 | 0,9490 | 0,9510 | 0,9446 | 0,9480 | 0,9438 | 0,9316 | 0,9345 |
| 400 | 0,9778 | 0,9489 | 0,9509 | 0,9445 | 0,9479 | 0,9437 | 0,9315 | 0,9344 |

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động
của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1234/TTr-SNV ngày 21 tháng 9 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện.

Điều 2. Căn cứ Quy chế (mẫu) này, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo xây dựng và

quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
UBND HUYỆN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ (MẪU)

Tổ chức và hoạt động của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /năm/QĐ-UBND
ngày.... tháng..... năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện.....)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân huyện; đồng thời chịu sự hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Chức năng

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ; kinh tế trang trại nông thôn; kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn; thực hiện việc phòng, chống thiên tai (lũ, lụt, bão,...) và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật, bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành, lĩnh vực công tác ở địa phương.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình khuyến khích phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện dự thảo các văn bản về lĩnh vực chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, các quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý được giao.

4. Tổ chức thực hiện công tác phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và nghề muối; công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh trên địa bàn.

5. Tổ chức bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; công trình nuôi trồng thủy sản; công trình cấp, thoát nước nông thôn; công trình phòng, chống lũ, lụt, bão; quản lý mạng lưới thủy nông trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; thực hiện các biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, bảo vệ rừng, trồng rừng và khai thác lâm sản; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn.

7. Đầu mối phối hợp tổ chức và hướng dẫn thực hiện nội dung liên quan đến phát triển nông thôn; tổng hợp tình hình, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện việc xây dựng và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện về các lĩnh vực: phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn; khai thác và sử dụng nước sạch nông thôn; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

8. Thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất diêm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản, diễn biến rừng; tổ chức thực hiện các biện pháp canh tác phù hợp để khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và nghề muối.

9. Quản lý các hoạt động dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản; vật tư nông lâm nghiệp, phân bón và thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện.

10. Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến diêm và các dự án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện.

11. Giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

12. Giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn thuộc các lĩnh vực quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật.

13. Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra và thanh tra việc thi hành pháp luật; tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

14. Xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân huyện và tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện công tác phòng, chống thiên tai (lũ, lụt, bão,...) trên địa bàn. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn; các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng của huyện theo quy định; đề xuất phương án, biện pháp và tham gia chỉ đạo việc phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai về lũ, lụt, bão, sạt, lở, hạn hán, úng ngập, xâm nhập mặn và dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện.

15. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao về các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của Ủy ban nhân dân huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

16. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng;

b) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ quản lý nông nghiệp, thủy lợi;
- Tổ quản lý lâm nghiệp, diêm nghiệp;
- Tổ quản lý thủy sản;
- Tổ quản lý phát triển nông thôn;
- Tổ quản lý phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn;
- Tổ quản lý kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở huyện...

Tùy theo quy mô hoạt động, tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa

phương, Ủy ban nhân dân huyện có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho huyện hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cơ quan một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan phải thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thực hiện chế độ báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện về toàn bộ công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân huyện về những mặt công tác đã được phân công;

Định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân huyện:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân huyện, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của huyện. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; về thực hiện các biện pháp chuyên

dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, bảo vệ rừng, trồng rừng và khai thác lâm sản; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn.

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức các xã - thị trấn về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, xã - thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của huyện:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, xã - thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của huyện có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau khi được Ủy ban nhân dân huyện quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự thỏa thuận của Trưởng Phòng Nội vụ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về sửa đổi khoản 2 Điều 1 Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 163/2004/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-BYT ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh, dịch vụ, phục vụ ăn uống;

Căn cứ Quyết định số 17/2009/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy hoạch định hướng phát triển hệ thống chợ - siêu thị - trung tâm thương mại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi khoản 2 Điều 1 Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh như sau:

“2. Hoạt động kinh doanh bán lẻ nông sản, thực phẩm được thực hiện theo quy hoạch của Ủy ban nhân dân quận - huyện và theo quy định của pháp luật Nhà nước. Hoạt động kinh doanh các mặt hàng thuộc nhóm 46321, 46322, 46323 (theo Phụ lục 1 đính kèm) phải đảm bảo các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BYT ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh, dịch vụ, phục vụ ăn uống.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 vẫn giữ nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các Sở - ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Giám đốc Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền, Giám đốc Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn, Giám đốc Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh chợ nông sản Thủ Đức và các thương nhân kinh doanh hàng nông sản, thực phẩm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về chính sách đặc thù cho ngành y tế, giáo dục
trên địa bàn huyện Cần Giờ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 274/HĐND-TT ngày 29 tháng 9 năm 2009 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách đặc thù cho ngành y tế, giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ tại Công văn số 565/UBND ngày 15 tháng 5 năm 2008 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1341/TTr-SNV ngày 09 tháng 10 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định chính sách đặc thù cho ngành y tế, giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ như sau:

1. Đối với ngành y tế:

1.1. Điều chỉnh tăng 25% mức phụ cấp đối với cán bộ, viên chức công tác tại Trạm Y tế xã, thị trấn trên địa bàn huyện Cần Giờ (so với mức quy định tại Quyết định số 187/2006/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố):

- Bác sĩ, cử nhân điều dưỡng, cử nhân y tế cộng đồng: mức phụ cấp từ 800.000 đồng/người/tháng lên 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Y sĩ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên trung cấp: mức phụ cấp từ 400.000 đồng/người/tháng lên 500.000 đồng/người/tháng.

- Y tá và nhân viên khác: mức phụ cấp từ 300.000 đồng/người/tháng lên 375.000 đồng/người/tháng.

1.2. Đối với cán bộ, viên chức từ nơi khác được phân công đến công tác tại xã Thạnh An, huyện Cần Giờ: hỗ trợ thêm phần chi phí đi lại với một mức chung là 300.000 đồng/người/tháng.

1.3. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức là y sĩ, bác sĩ nâng cao trình độ chuyên môn: khi được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân huyện hoặc có quyết định cử đi học của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân huyện quyết định chi về tiền học phí, tiền tài liệu và chi phí đi lại từ nguồn ngân sách của huyện.

2. Đối với ngành giáo dục và đào tạo:

Trợ cấp phần chi phí đi lại cho giáo viên từ nơi khác đến công tác tại các trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở tại xã Thạnh An với một mức chung là 300.000 đồng/người/tháng.

Thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 8 năm 2009.

Điều 2. Sở Tài chính phân bổ kinh phí hàng năm từ ngân sách thành phố cho Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ để thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức ngành y tế, giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ và hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ lập dự toán, quyết toán kinh phí hàng năm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện
Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5417/SKHĐT-TH ngày 08 tháng 9 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ.

Điều 2. Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung chương trình Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ban

- ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-CP

ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 81/2009/QĐ-UBND

ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Trên cơ sở triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Lĩnh vực kinh tế

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các doanh nghiệp trực thuộc thành phố triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh phát triển, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững.

a) Thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh

Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp, chính sách của Chính phủ nhằm cải thiện môi trường, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho đầu tư và sản xuất, kinh doanh phát triển, tiếp tục thực hiện cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khắc phục những tồn tại, yếu kém của kinh tế thành phố, tạo được chuyển biến về chất lượng tăng trưởng, hiệu quả đầu tư và khả năng cạnh tranh.

Tiếp tục rà soát, kiến nghị với Trung ương sửa đổi, bổ sung, ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp và các luật có liên quan; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án 30 của Chính phủ, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; công khai các quy trình, thủ tục hành chính.

Tập trung triển khai thực hiện và hoàn thành các chương trình, đề án đã được giao tại Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố, Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2009.

Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và ngoài nước. Mở rộng thị trường xuất khẩu theo từng ngành hàng, từng hợp đồng xuất khẩu lớn, chủ động trong việc ứng phó với chính sách bảo hộ mậu dịch của các nước, dỡ bỏ các rào cản thuế và phi thuế để đẩy mạnh xuất khẩu, giảm nhập siêu. Chú trọng phát triển thị trường nông thôn; tiếp tục triển khai chương trình phát triển thương mại điện tử thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2008 - 2010 theo Quyết định số 141/2007/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. Triển khai các đề án đã được phê duyệt: phát triển hệ thống kênh phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020; Quy hoạch định hướng phát triển hệ thống chợ - siêu thị - trung tâm thương mại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2015; Chiến lược tạo nguồn hàng bình ổn thị trường thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2015. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả dự án Quy hoạch phát triển ngành thương mại thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Về sản xuất công nghiệp và xây dựng: Tiếp tục triển khai Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp, phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010; chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2008 - 2010, tầm nhìn đến năm 2020. Triển khai thực hiện quy hoạch các ngành công nghiệp, thương mại thành phố giai đoạn 2010 tầm nhìn 2020 nhằm thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế chủ lực, nâng cao kim ngạch xuất khẩu. Tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục có liên quan đến đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc giải phóng mặt bằng, tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, thủ tục nộp thuế, nghiên cứu xem xét lại việc áp dụng giá điện cao vào buổi sáng, giảm giá dịch vụ cảng biển, xem xét hoãn các khoản đóng góp của các doanh nghiệp đang gặp khó khăn.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của xuất khẩu (về môi trường kinh doanh, về sức cạnh tranh của doanh nghiệp và sức cạnh tranh của các nhóm hàng hóa); nâng cao hiệu quả và đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch, đồng thời kết hợp chặt chẽ với xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư để mở rộng địa bàn, nội dung quảng bá du lịch. Nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch theo tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời có các chương

trình, sản phẩm mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam để tăng tỷ lệ khách du lịch quay trở lại Việt Nam nói chung và thành phố nói riêng.

Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng nội địa, nhất là thực phẩm, đồ uống, hàng dệt may, thuốc chữa bệnh; ưu tiên hỗ trợ ngành hàng sản xuất có lợi thế thay thế hàng nhập khẩu, sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, sử dụng nhiều lao động như: các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, chế tạo, đóng tàu, phân bón...

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, sức cạnh tranh của sản phẩm. Xây dựng các chương trình về đổi mới công nghệ quốc gia, ứng dụng và phát triển công nghệ cao trong các ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

Lập quy hoạch phát triển ngành công nghiệp thành phố giai đoạn 2011 - 2020; xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm 2011 - 2015 của ngành công thương thành phố, định hướng đến năm 2020. Đẩy mạnh các biện pháp để chống buôn lậu, gian lận thương mại để bảo vệ sản xuất trong nước.

Thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ sản xuất nông, lâm, thủy sản. Đảm bảo tiến độ, mục tiêu chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và kinh tế nông thôn, cơ cấu cây trồng, vật nuôi của thành phố; xây dựng những vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuyên canh, đồng thời ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học để lai tạo giống, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nông sản; Tiếp tục xây dựng chương trình nâng cao tỷ trọng giá trị gia tăng đối với nhóm hàng thủy sản xuất khẩu để thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2008 - 2010 và định hướng đến năm 2020. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng đề án và chính sách phát triển cơ khí hóa nông nghiệp; bảo vệ, phát triển các loại rừng, cây xanh trên địa bàn thành phố đến năm 2020; tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học.

b) Kích cầu đầu tư, huy động, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư và kích cầu tiêu dùng

Bố trí và sử dụng vốn đầu tư thuộc chương trình kích cầu đầu tư của Chính phủ và thành phố vào những lĩnh vực có hiệu quả, sử dụng đúng mục đích, đối tượng, chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Rà soát, loại bỏ các dự án đầu tư kém hiệu quả, giãn tiến độ dự án không cấp bách, tập trung vốn hoàn thành các công trình trọng điểm của thành phố.

Quản lý chặt chẽ vốn đầu tư từ ngân sách, trái phiếu Chính phủ. Tập trung thực hiện các biện pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn tín dụng đầu tư, vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, nhất là đối với các công trình dự án quy mô lớn, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Cải thiện môi trường đầu tư nhằm tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước bỏ vốn đầu tư kinh doanh. Kiến nghị Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản; sửa đổi, bổ sung, ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu và các luật có liên quan. Ban hành chính sách phù hợp để giải quyết vướng mắc kéo dài trong thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của các thành phần kinh tế. Khuyến khích đầu tư vào kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nông nghiệp, nông thôn, các ngành có hàm lượng khoa học - công nghệ cao. Tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính theo hướng khuyến khích xã hội hóa, huy động nhiều nguồn lực phát triển các lĩnh vực dịch vụ công.

Đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), nhất là các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, có giá trị xuất khẩu lớn, những dự án giải quyết nhiều việc làm. Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư. Tiến hành đồng bộ sáu nhóm giải pháp cấp bách Chính phủ đã thông qua để thu hút và quản lý tốt hơn nguồn vốn FDI trong thời gian tới. Khai thác tối đa nguồn vốn ODA để bổ sung tăng thêm vốn cho đầu tư phát triển.

Thực hiện các biện pháp phù hợp để khai thác thị trường nội địa. Khuyến khích việc sử dụng hàng nội địa để thúc đẩy sản xuất trong nước, hạn chế nhập khẩu. Tổ chức thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Phát triển hệ thống phân phối các mặt hàng thiết yếu, trong đó tập trung vào các mặt hàng: lương thực, xăng dầu, phân bón, sắt thép, xi măng và thuốc chữa bệnh, để hoạt động sản xuất kinh doanh của các mặt hàng này bảo đảm được sự quản lý của Nhà nước, chống gian lận thương mại, đầu cơ, tăng giá, gây mất ổn định thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Tăng cường các biện pháp quản lý thị trường, giá cả, chất lượng hàng hóa và vệ sinh an toàn thực phẩm; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành, nhất là kinh doanh trái phép, trốn lậu thuế, liên kết độc quyền nhằm

thao túng thị trường và giá cả. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức các đợt hạ giá bán hàng để kích thích tiêu dùng với nhiều hình thức khác nhau như hội chợ giảm giá, ngày giảm giá, tuần lễ giảm giá; giảm giá vào ngày đầu hoặc cuối mùa, nhân dịp ngày lễ hoặc các sự kiện trọng đại của đất nước.

c) Thực hiện chính sách tài chính, tiền tệ và đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt những giải pháp cấp bách về thuế nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội. Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cắt giảm các nhiệm vụ chi chưa cần thiết, nhất là trong việc hội họp, đi nước ngoài, tổ chức lễ hội, mua sắm... kiểm soát chặt chẽ việc vay và trả nợ nước ngoài. Bên cạnh việc thực hiện các chính sách tài chính, tiền tệ của Chính phủ nhằm chống suy giảm kinh tế, thành phố tăng cường các biện pháp để ổn định kinh tế vĩ mô, trước hết là bảo đảm thực hiện hoàn thành dự toán thu chi ngân sách nhà nước và huy động vốn đầu tư phát triển.

Tiếp tục bố trí kinh phí thỏa đáng thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội, tăng cường chăm lo cho các đối tượng diện chính sách, các hộ nghèo.

Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển thị trường tài chính trên địa bàn thành phố đến năm 2010 tầm nhìn đến năm 2020.

d) Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác dự báo, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Tăng cường công tác dự báo về tình hình kinh tế; tăng cường công tác phối hợp, cung cấp thông tin, đề tham mưu kịp thời cho lãnh đạo thành phố trong chỉ đạo, điều hành kinh tế, xã hội. Theo dõi sát diễn biến kinh tế thế giới và trong nước để dự báo các tình huống có thể xảy ra và xây dựng phương án, giải pháp ứng phó thích hợp.

Xây dựng và thông qua Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Nâng cao chất lượng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu theo Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ. Triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố 5 năm 2011 - 2015 và năm 2010.

Quy hoạch lại, sắp xếp, điều chỉnh các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố theo hướng chuyên môn hóa và hợp tác hóa kết hợp với phân bổ hợp lý, tập trung

xây dựng một số khu công nghiệp chuyên ngành như khu công nghiệp cơ khí chế tạo, khu công nghiệp hóa chất để tạo điều kiện thuận lợi ứng dụng các công nghệ cao.

2. Lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ và văn hóa, y tế, xã hội

a) Phát triển giáo dục, đào tạo

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo toàn diện, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục và công tác quản lý giáo dục; khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu giáo dục, đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng cả nâng cao dân trí, phát triển nhân lực, đào tạo nhân tài, cả dạy chữ, dạy nghề, dạy làm người, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, nhân cách, phẩm chất đạo đức, lối sống.

Tăng cường đầu tư của nhà nước, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa việc huy động các nguồn lực cho phát triển giáo dục, đào tạo; di dời các trường đại học, cao đẳng ra các khu quy hoạch, góp phần giảm ùn tắc giao thông và giảm áp lực gia tăng dân số cơ học khu vực nội thành. Đẩy mạnh đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quản lý chặt chẽ việc hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

b) Phát triển khoa học, công nghệ

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ. Nghiên cứu đề xuất và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, nhập khẩu công nghệ mới, chế biến nông sản, bao tiêu sản phẩm, sản xuất máy móc thiết bị. Tăng mức đầu tư từ ngân sách thành phố đáp ứng yêu cầu công tác ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp kỹ thuật cao và công nghệ sinh học để chọn, lai tạo và sản xuất nhiều giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao.

c) Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân

Phát triển và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách quản lý, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh từ tuyến cơ sở đến thành phố. Tăng cường đầu tư của Nhà nước, đồng thời xã hội hóa một cách phù hợp để huy động các nguồn lực xã hội vào phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, mở rộng, đa dạng hóa các loại dịch vụ y tế, triển khai các khu dịch vụ khám và điều trị tại các bệnh viện bằng hình thức liên doanh, liên kết, nhằm nâng cao năng lực khám chữa bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện, góp phần giảm tình trạng quá tải ở các bệnh viện, đặc biệt là các bệnh viện chuyên khoa.

Đào tạo đủ về số lượng, chất lượng, tăng cường luân phiên cán bộ, giúp tuyến dưới nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đào tạo cán bộ tại chỗ và nâng cao ý thức, trình độ cán bộ y tế, đấu tranh đẩy lùi các tiêu cực trong khám, chữa bệnh. Quản lý chặt chẽ các hoạt động khám chữa bệnh tư nhân, thị trường thuốc chữa bệnh; đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm soát chặt chẽ các loại thực phẩm nhập khẩu, nhất là các loại thực phẩm nhập khẩu đông lạnh và tươi sống; kiểm tra các bếp ăn tập thể tại trường học, các khu chế xuất, khu công nghiệp, các cơ sở cung cấp suất ăn công nghiệp; thường xuyên tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm ở các siêu thị, chợ; tăng cường các biện pháp để phòng ngừa, kiểm soát dịch bệnh; phòng, chống nghiện ma túy, nhiễm HIV... Đổi mới, hoàn thiện chế độ bảo hiểm y tế. Phát triển y dược cổ truyền. Thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm sinh và ngăn ngừa mất cân bằng giới tính.

d) Tạo việc làm, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội

Thành phố phấn đấu trong năm 2010 giải quyết việc làm cho 270.000 lao động, tạo ra 120.000 chỗ làm mới và hạ tỷ lệ thất nghiệp xuống dưới 5,1%. Thực hiện các chính sách khuyến khích tạo việc làm; mở rộng các hình thức dạy nghề, hỗ trợ cho vay để học nghề, tạo việc làm, nhất là đối với người lao động bị mất việc làm trong các doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng quan hệ lao động lành mạnh, bảo đảm vệ sinh, an toàn lao động trong các loại hình doanh nghiệp.

Thành phố tiếp tục huy động các nguồn lực cho chương trình giảm nghèo theo tiêu chí của thành phố, bố trí nguồn vốn thỏa đáng từ ngân sách của thành phố và quận, huyện, đẩy mạnh cho vay vốn từ các nguồn vốn ưu đãi của Quỹ xóa đói giảm nghèo, Quỹ quốc gia về việc làm, Ngân hàng chính sách xã hội và Quỹ tín dụng các đoàn thể, thực hiện tốt đào tạo nghề cho lao động nghèo, hỗ trợ đào tạo giải quyết việc làm, hỗ trợ lao động nghèo đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; tiếp tục thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội cho người nghèo và người thuộc diện trợ cấp xã hội như cấp thẻ bảo hiểm y tế, chính sách miễn tiền học phí và tiền cơ sở vật chất cho học sinh nghèo, chính sách hỗ trợ người lao động nghèo chuyển đổi nghề. Đẩy mạnh công tác vận động xây dựng nhà tình thương, sửa chữa nhà, chống dột cho hộ nghèo; tổ chức nghiên cứu và ban hành tiêu chí xã - phường nghèo của giai đoạn

2009 - 2015; tiếp tục tổ chức thực hiện kế hoạch giải quyết tình trạng người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn thành phố được ban hành theo Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Thành phố đầu tư và có chính sách khuyến khích doanh nghiệp xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, cho người lao động có thu nhập thấp. Có chính sách hỗ trợ một phần để đảm bảo đời sống đối với những người bị mất việc làm trong các doanh nghiệp. Triển khai thực hiện chủ trương xây dựng nhà ở cho sinh viên từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, trong 2 năm 2009 - 2010 phân đầu bảo đảm chỗ ở cho khoảng 40% sinh viên được ở trong ký túc xá.

đ) Công tác văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, thông tin và truyền thông

Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện chiến lược văn hóa; gắn kết chặt chẽ phát triển văn hóa với phát triển kinh tế để văn hóa thực sự vừa là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển, vừa là nền tảng tinh thần của xã hội. Tăng đầu tư của thành phố cho văn hóa; xã hội hóa ở các lĩnh vực phù hợp để huy động các nguồn lực cho phát triển văn hóa. Quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí, lễ hội.

Phát triển mạnh mẽ thể dục, thể thao quần chúng nhằm tiếp tục triển khai cuộc vận động “oàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” để thu hút đông đảo lực lượng của cả xã hội tham gia dưới nhiều hình thức sinh động, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, văn hóa, tăng cường thể chất của nhân dân. Duy trì thể thao thành tích cao, từng bước khôi phục và đưa thể thao thành phố trở lại đỉnh cao trên bình diện cả nước và khu vực. Tổ chức tốt các hoạt động lễ hội truyền thống, tổ chức tốt Đại hội Thể thao trong nhà Châu Á (Asian Indoor Games); Tập trung triển khai xây dựng các công trình phục vụ Asian Indoor Games III-2009, các công trình trọng điểm ngành văn hóa - thể thao tại thành phố như đẩy nhanh tiến độ thực hiện công trình Tượng đài Bác Hồ, Bác Tôn tại Công viên Thống Nhất (Hà Nội); xây dựng Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh; tượng đài Bô tát Thích Quảng Đức; cụ thể hóa kế hoạch hoạt động của thành phố hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội...

Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Làm tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc. Khuyến khích sáng tạo các tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao. Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục các giá trị đạo đức, lối sống lành mạnh trong gia đình.

Tăng cường lãnh đạo, quản lý, nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, uốn nắn, xử lý kịp thời các lệch lạc, sai phạm. Đẩy mạnh thông tin đối ngoại, chống sự xâm nhập các sản phẩm độc hại phản văn hóa, phản động, gây phương hại tư tưởng, đạo đức xã hội; nêu cao tinh thần cảnh giác, kịp thời đấu tranh với các luận điểm sai trái của các thế lực thù địch đối với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thúc đẩy thị trường dịch vụ bưu chính, viễn thông, nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong ngành. Tăng cường ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý và thủ tục hành chính.

3. Lĩnh vực bảo vệ tài nguyên, môi trường

Khắc phục có hiệu quả những yếu kém trong công tác quản lý đất đai; đưa công tác quản lý đất đai ngày càng đi vào trật tự, kỷ cương, nề nếp; hoàn thiện và phát triển hệ thống quản lý đất đai hiện đại. Tổ chức công tác tổng kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất vào năm 2010 theo Chỉ thị số 618/CT-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 01/2008/CT-BTNMT ngày 02 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; lập hồ sơ địa giới các cấp trên tọa độ VN 2000. Tiến hành kiểm tra tình hình sử dụng nhà đất của các tổ chức, đơn vị doanh nghiệp sử dụng có dấu hiệu vi phạm pháp luật đất đai; đẩy nhanh tiến độ thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân theo nghị quyết của Quốc hội;

Triển khai công tác lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2011 - 2015, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; triển khai công tác chỉnh lý bản đồ địa chính làm cơ sở cho việc hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính các cấp. Tổ chức công tác hậu kiểm sau khi hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận sử dụng đất của các tổ chức; sắp xếp xử lý nhà đất các doanh nghiệp cổ phần hóa và doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh việc cải cách thủ tục hành chính trong giải quyết hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức đang sử dụng đất; thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện của các dự án đã được giao đất, cho thuê đất; tiếp tục rà soát, di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Bảo đảm khai thác, sử dụng tài nguyên nước một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu

quả; tập trung rà soát và đề xuất điều chỉnh, bổ sung các văn bản qui phạm pháp luật về quản lý tài nguyên nước cho phù hợp điều kiện thành phố; hoàn thành đề án Quy hoạch tổng thể tài nguyên nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020; tiếp tục công tác điều tra cơ bản môi trường, tài nguyên nước lưu vực sông; xây dựng cơ sở dữ liệu và danh bạ dữ liệu môi trường - tài nguyên nước lưu vực sông; thành lập bản đồ phân vùng khai thác nước dưới đất nhằm xác định vùng cấm, vùng hạn chế xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất. Hoàn thành và triển khai quy định vùng cấm, vùng hạn chế hoạt động khoáng sản và quy hoạch khoáng sản thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn thành xây dựng mạng quan trắc động đất thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Nam bộ.

Tích cực phòng ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường; đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; xây dựng và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về bảo vệ môi trường, giải quyết một bước cơ bản tình trạng suy thoái môi trường ở các khu công nghiệp, các khu dân cư đông đúc ở các thành phố và một số vùng nông thôn; cải tạo và xử lý ô nhiễm môi trường trên các dòng sông, hồ ao, kênh mương; ứng phó và khắc phục hiệu quả các sự cố môi trường; tăng cường hợp tác môi trường trong vùng và khu vực. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành và các tỉnh triển khai có hiệu quả Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai; phối hợp chặt chẽ với tỉnh Bình Dương để giải quyết tình trạng ô nhiễm kênh Ba Bò, với tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu để giải quyết ô nhiễm sông Thị Vải, với tỉnh Bình Dương và Tây Ninh để giải quyết ô nhiễm nguồn nước sông Sài Gòn. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống đê bao ven sông Sài Gòn, đồng thời đẩy nhanh tiến độ cải tạo, nạo vét hệ thống kênh rạch, lắp đặt các trạm bơm tại các điểm nóng thường xuyên ngập nặng nhằm giải quyết tình trạng ngập úng do nước biển dâng cao, triều cường.

Tăng cường xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức cưỡng chế, tạm thời đình chỉ hoạt động, cấm hoạt động hoặc buộc di dời đối với các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp kinh tế trong bảo vệ môi trường; tiếp tục kiến nghị Trung ương để hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, có các chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm gây ô nhiễm môi trường do các pháp nhân thực hiện; giải quyết triệt để các “điểm đen”, “điểm nóng” về môi trường. Triển khai có hiệu quả việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, rác sinh hoạt; nghiên cứu đề xuất ban hành quy định về thu phí khí thải, khai thác tài nguyên và khoáng sản...

Xây dựng và triển khai đề án tổ chức, sắp xếp hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố; xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường giữa các ngành, các cấp; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình xử lý nước thải, chất thải, khói bụi và tiếng ồn; chuyển đổi phương thức cung ứng dịch vụ vệ sinh đô thị từ việc giao kế hoạch sang phương thức đặt hàng và đấu thầu. Triển khai dự án phân loại rác tại nguồn cho 5 quận, huyện thí điểm còn lại (1, 4, 5, 10 và Củ Chi) và triển khai cho tất cả các quận, huyện nội thành; xây dựng hệ thống thu phí vệ sinh đối với các đối tượng nguồn thải là hộ dân được xây dựng trên nguyên tắc “giữ nguyên hiện trạng” có cân nhắc đến yếu tố thay đổi công nghệ thu gom tại nguồn.

Tăng cường công tác quản lý chất thải nguy hại, hoàn thành và triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố. Xây dựng cơ sở dữ liệu và khu xử lý chất thải nguy hại tập trung. Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm trong lĩnh vực quản lý chất thải nguy hại, tiếp tục điều tra, phân tích và đánh giá hiện trạng hệ thống quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh làm cơ sở cho quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn y tế. Triển khai chương trình phân loại chất thải rắn y tế tại nguồn; xây dựng và triển khai đề án thu phí dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế.

Hoàn thành các dự án tiếp nhận nước Nhà máy nước BOO Thủ Đức tại các khu vực quận 2, quận 7, quận 9, Nhà Bè theo tiến độ phát nước của Nhà máy nước BOO Thủ Đức.

Tích cực triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Từng bước hiện đại hóa và nâng cao chất lượng điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên và môi trường biển phục vụ đặc lực phát triển kinh tế biển theo hướng toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sớm đưa nước ta trở thành một quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế.

4. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các ngành, các cấp và nhân dân thành phố về nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Đưa nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vào các chiến lược, chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội thành phố. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng với an ninh, kinh tế, đối ngoại. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đội ngũ cán bộ, công chức thành phố.

Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ theo Nghị quyết số 28/NQ-TW của Bộ Chính trị (khóa X), tăng cường tiềm lực quốc phòng theo Nghị quyết số 27/NQ-TW của Bộ Chính trị về công nghiệp quốc phòng và Nghị quyết số 29/NQ-TW về Chiến lược trang bị cho Bộ Quốc phòng; củng cố “thế trận lòng dân”; xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, sẵn sàng chiến đấu cao, đối phó kịp thời, thắng lợi mọi tình huống, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức của nhân dân thành phố về những thách thức lớn đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Chủ động phát hiện, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Tiếp tục thực hiện có kết quả các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Xây dựng lực lượng công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, tận tụy phục vụ nhân dân.

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về công tác với người Việt Nam ở nước ngoài; chú trọng công tác bảo hộ công dân; tích cực triển khai Chỉ thị số 26/CT-TW của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới.

5. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước, phát huy dân chủ xã hội, đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước của thành phố. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp giữa thành phố và chính quyền cấp quận, huyện gắn với việc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm; nâng cao năng lực cán bộ, chất lượng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất và phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các ngành, các cấp trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

Tiếp tục tách chức năng tham mưu quản lý nhà nước với các hoạt động mang tính nghiệp vụ quản lý trong từng ngành, từng lĩnh vực để hình thành các tổ chức cung ứng dịch vụ hành chính công thông qua hình thức đấu thầu, đặt hàng tại cấp

quận, huyện. Lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường.

Đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, tăng cường dân chủ, nâng cao chất lượng công tác cán bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng và thực hiện chế độ công vụ thống nhất, dân chủ, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát. Xây dựng các quy chế, quy định cụ thể để quản lý cán bộ và thuận lợi cho việc kịp thời thay thế, miễn nhiệm cán bộ năng lực, phẩm chất kém, không hoàn thành nhiệm vụ, mất uy tín, có sai phạm; phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đề bạt cán bộ có đức, có tài, trẻ, cán bộ nữ vào các vị trí phù hợp.

Chỉ đạo, thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, sắp xếp, bố trí, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ thành phố khóa IX và Đại hội Đảng toàn quốc khóa XI.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của thành phố. Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện và có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính, trước hết là những lĩnh vực đang gây bức xúc xã hội kéo dài.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, biện pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bồi dưỡng lòng yêu nước, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, hình thành hệ thống giá trị của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tạo chuyển biến căn bản trong việc ngăn chặn, từng bước đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ và nhân dân. Chủ động phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và sớm phát hiện, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bác bỏ các luận điệu tuyên truyền phản động, làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tập trung rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế,

chính sách; thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát; phối hợp tốt giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, giám sát, nhất là khi giải quyết các trường hợp có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí. Kiên quyết xử lý nghiêm, kỷ luật hành chính và xử lý bằng pháp luật các vụ việc tham nhũng, tịch thu tài sản tham nhũng. Kiện toàn cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng của thành phố. Phát huy vai trò của nhân dân, các đoàn thể chính trị - xã hội, của báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; có chính sách, biện pháp bảo vệ người dũng cảm đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí...

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát huy dân chủ; tiếp tục cụ thể hóa bằng pháp luật các quyền cơ bản của công dân đã được Hiến pháp quy định; nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nhất là ở cơ sở.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân công, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các doanh nghiệp trực thuộc thành phố triển khai thực hiện những nhiệm vụ, nội dung công việc chủ yếu của Kế hoạch này và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ của kế hoạch hàng năm; tiếp tục xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trình Ủy ban nhân dân thành phố từ nay đến Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các doanh nghiệp trực thuộc thành phố tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ 6 tháng, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tình hình thực hiện.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các doanh nghiệp trực thuộc thành phố tiến hành tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố **trước ngày 10 tháng 01 và tháng 7 hàng năm** để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể trong Kế hoạch này, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện,

các doanh nghiệp trực thuộc thành phố chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Các nội dung công việc chủ yếu của các cơ quan, đơn vị của thành phố được quy định tại Phụ lục kèm theo./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN ĐÃ HOÀN TẤT NHẪM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ VIII

(Ban hành kèm theo Quyết định số 81/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành / Trình | Sản phẩm/Hình thức văn bản | Ghi chú |
|----------|---|-----------------|--|--|----------------------------|---------|
| A | LĨNH VỰC KINH TẾ | | | | | |
| I | Thúc đẩy sản xuất kinh doanh và xuất khẩu, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh | | | | | |
| 1 | Chương trình Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010. | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Viện Nghiên cứu phát triển; Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp; Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư... | QĐ phê duyệt số 2425/QĐ-UBND ngày 01/6/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Đề án | |

| | | | | | | |
|---|---|--|------------------------------|---|-------|--|
| 2 | Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất TP.HCM đến năm 2010, có tính đến năm 2020 <i>(thuộc Chương trình Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp ở trên)</i> | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 2436/QĐ-UBND ngày 01/6/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 3 | Quy hoạch phát triển ngành cơ khí TP.HCM đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 <i>(thuộc Chương trình CDCCCN)</i> | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 1827/QĐ-UBND ngày 25/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 4 | Chương trình phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007-2010 <i>(thuộc Chương trình CDCCCN)</i> | Sở Bưu chính, Viễn thông (nay là Sở Thông tin và Truyền thông) | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 145/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Đề án | |
| 5 | Quy hoạch phát triển điện lực quận 2 đến năm 2010, có xét đến năm 2020 <i>(thuộc Chương trình CDCCCN)</i> | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 6171/QĐ-UBND ngày 06/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 6 | Quy hoạch phát triển điện lực quận 5 đến năm 2010, có xét đến năm 2020 <i>(thuộc Chương trình CDCCCN)</i> | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 6174/QĐ-UBND ngày 06/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 7 | Quy hoạch phát triển điện lực quận 9 đến năm 2010, có xét đến năm 2020 <i>(thuộc Chương trình CDCCCN)</i> | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 6175/QĐ-UBND ngày 06/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |

| | | | | | | |
|----|--|----------------|------------------------------|--|-------|--|
| 8 | Quy hoạch phát triển điện lực quận 1 giai đoạn 2006 - 2010, có xét đến năm 2015 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 3553/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 9 | Quy hoạch phát triển điện lực quận 3 giai đoạn 2006 - 2010, có xét đến năm 2015 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 3552/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 10 | Quy hoạch phát triển điện lực quận 4 giai đoạn 2006 - 2010, có xét đến năm 2015 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 3551/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 11 | Quy hoạch phát triển điện lực quận 6 giai đoạn 2006 - 2010, có xét đến năm 2015 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 3550/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 12 | Quy hoạch phát triển điện lực quận 7 giai đoạn 2006 - 2010, có xét đến năm 2015 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 3549/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 13 | Quy hoạch phát triển điện lực quận 8 giai đoạn 2006 - 2010, có xét đến năm 2015 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 3548/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |

| | | | | | | |
|----|--|----------------|------------------------------|--|-------|--|
| 14 | Quy hoạch phát triển điện lực quận Phú Nhuận giai đoạn 2006 - 2010, có xét đến năm 2015 (thuộc Chương trình CDCCCN) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 3544/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 15 | Quy hoạch phát triển điện lực quận Gò Vấp giai đoạn 2006 - 2010, có xét đến năm 2015 (thuộc Chương trình CDCCCN) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 3545/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 16 | Quy hoạch phát triển điện lực quận Bình Thạnh giai đoạn 2006 - 2010, có xét đến năm 2015 (thuộc Chương trình CDCCCN) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 3546/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 17 | Quy hoạch phát triển điện lực quận Bình Tân giai đoạn 2006 - 2010, có xét đến năm 2015 (thuộc Chương trình CDCCCN) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 3547/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 18 | Quy hoạch phát triển điện lực quận Thủ Đức giai đoạn 2006 - 2010, có xét đến năm 2015 (thuộc Chương trình CDCCCN) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 3555/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 19 | Quy hoạch phát triển điện lực huyện Nhà Bè giai đoạn 2006 - 2010, có xét đến năm 2015 (thuộc Chương trình CDCCCN) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 3554/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |

| | | | | | | |
|----|---|----------------|------------------------------|--|-------|--|
| 20 | Quy hoạch phát triển điện lực quận 10 giai đoạn 2008 - 2010 - 2015, có xét đến năm 2020 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 2237/QĐ-UBND ngày 23/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 21 | Quy hoạch phát triển điện lực quận 11 giai đoạn 2008 - 2010 - 2015, có xét đến năm 2020 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 2238/QĐ-UBND ngày 23/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 22 | Quy hoạch phát triển điện lực quận 12 giai đoạn 2008 - 2010 - 2015, có xét đến năm 2020 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 2243/QĐ-UBND ngày 23/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 23 | Quy hoạch phát triển điện lực quận Tân Phú giai đoạn 2008 - 2010 - 2015, có xét đến năm 2020 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 2242/QĐ-UBND ngày 23/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 24 | Quy hoạch phát triển điện lực quận Tân Bình giai đoạn 2008 - 2010 - 2015, có xét đến năm 2020 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 2244/QĐ-UBND ngày 23/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 25 | Quy hoạch phát triển điện lực huyện Hóc Môn giai đoạn 2008 - 2010 - 2015, có xét đến năm 2020 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 2239/QĐ-UBND ngày 23/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |

| | | | | | | |
|----|--|--------------------------|------------------------------|--|-------------------|--|
| 26 | Quy hoạch phát triển điện lực huyện Củ Chi giai đoạn 2008 - 2010 - 2015, có xét đến năm 2020 (thuộc Chương trình CDCCCN) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 2240/QĐ-UBND ngày 23/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 27 | Quy hoạch phát triển điện lực huyện Cần Giờ giai đoạn 2008 - 2010 - 2015, có xét đến năm 2020 (thuộc Chương trình CDCCCN) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 2241/QĐ-UBND ngày 23/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 28 | Quy hoạch phát triển điện lực huyện Bình Chánh giai đoạn 2008 - 2010 - 2015, có xét đến năm 2020 (thuộc Chương trình CDCCCN) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 2245/QĐ-UBND ngày 23/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Dự án | |
| 29 | Chương trình phát triển nguồn nhân lực nghề cho các ngành trọng yếu trên địa bàn thành phố (cơ khí, điện tử - CNTT và hóa chất) (thuộc Chương trình CDCCCN). | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 351/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Đề án | |
| 30 | Đánh giá thực trạng công nghệ của các ngành công nghiệp (thuộc Chương trình CDCCCN). | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở - ngành, quận - huyện | Tháng 01/2009 | Đề tài nghiên cứu | |

| | | | | | | |
|----|---|--|------------------------------------|--|------------|--|
| 31 | Đổi mới công nghệ công nghiệp sản xuất phục vụ chuyên dịch cơ cấu công nghiệp trên địa bàn TP (thuộc Chương trình CDCCCN). | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 5114/QĐ-UBND ngày 25/11/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Đề án | |
| 32 | Phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020. | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 41/2009/QĐ-UBND ngày 09/6/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Đề án | |
| 33 | Quy hoạch định hướng phát triển hệ thống chợ - siêu thị - trung tâm thương mại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 đến năm 2015. | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 17/2009/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Đề án | |
| 34 | Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2008 - 2010, xét đến năm 2020. | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 29/QĐ-UBND ngày 09/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Đề án | |
| 35 | Chương trình phát triển thương mại điện tử thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2008 - 2010. | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | QĐ phê duyệt số 141/QĐ-UBND ngày 25/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Đề án | |
| 36 | Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở - ngành, quận - huyện liên quan | Tháng 01/2009 | Quyết định | |

| | | | | | | |
|----|--|--|---|--|------------|--|
| 37 | Đề án xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại 12 xã, phường giai đoạn 2006 - 2010 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở - ngành, 6 quận - huyện và 12 xã - phường liên quan | QĐ phê duyệt số 5114/QĐ-UBND ngày 25/11/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Quyết định | |
| 38 | Đề án xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn giai đoạn 2006 - 2010 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở - ngành, huyện Hóc Môn, UBND xã Thới Tam Thôn | QĐ phê duyệt số 41/2009/QĐ-UBND ngày 09/6/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Quyết định | |
| 39 | Chương trình mục tiêu phát triển hoa, cây kiểng, cá cảnh giai đoạn 2004 - 2010 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở - ngành, quận - huyện liên quan, các tổ chức kinh tế, hộ nông dân | QĐ phê duyệt số 17/2009/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Quyết định | |
| 40 | Chương trình mục tiêu phát triển cá sấu trên địa bàn thành phố đến năm 2010 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở - ngành, quận - huyện liên quan và các doanh nghiệp | QĐ phê duyệt số 29/QĐ-UBND ngày 09/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Quyết định | |
| 41 | Chương trình chuyển đổi đất trồng lúa một vụ năng suất thấp sang nuôi tôm sú giai đoạn 2006 - 2010 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở - ngành, huyện Nhà Bè, Cần Giuộc, các tổ chức kinh tế và nông, ngư dân | Bao gồm 16 chương trình nhánh. | Quyết định | |
| 42 | Chương trình mục tiêu, phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở - ngành, quận - huyện liên quan, các tổ chức kinh tế, hộ nông dân | QĐ phê duyệt số 141/QĐ-UBND ngày 25/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Quyết định | |

| | | | | | | |
|-----------|--|--|--|--------------------------------|--------------|--|
| 43 | Chương trình mục tiêu phát triển bò sữa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006 - 2010 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở - ngành, quận - huyện liên quan và các doanh nghiệp | Bao gồm 06 chương trình nhánh. | Quyết định | |
| II | Kích cầu đầu tư, huy động, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư và kích cầu tiêu dùng | | | | | |
| 1 | Hoàn tất chương trình di dời các chợ bán buôn, bán sỉ trong nội thành ra ngoại thành: Khu thương mại Bình Điền giai đoạn 1 | Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn | | Năm 2008 | Chương trình | |
| B | LĨNH VỰC ĐÔ THỊ | | | | | |
| 1 | Khu đô thị Thủ Thiêm: | | | | | |
| | Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng: đã thực hiện chi bồi thường với số tiền 8.417,087 tỷ đồng, đạt 72,2% diện tích cần phải bồi thường | Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm | | 08/4/2009 | | |
| | Quỹ nhà, đất phục vụ tái định cư: đã hoàn thành đầu tư xây dựng và chuyển nhượng quỹ nhà, đất để phục vụ tái định cư 1.771 căn/1.979 căn hộ chung cư và 2.019 nền/2076 nền đất | Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm | | Đã hoàn thành | | |

| | | | | | | |
|---|---|--|--|--|---|--|
| 2 | Chương trình phát triển nhà ở (Giai đoạn 2006 - 2010) | Sở Xây dựng | Các sở - ngành, quận - huyện có liên quan | Quyết định số 114/2006/QĐ-UBND ngày 21/7/2006 của UBNDTP; Chỉ thị số 07/2007/CT-UBND ngày 19/3/2007 của UBNDTP | Chương trình (chi tiêu 32 triệu m ² nhà ở; 14 m ² /đầu người). Năm 2006 là 10,3 m ² /đầu người) | |
| 3 | Dự án Nâng cấp đô thị thành phố | Ban quản lý Dự án Nâng cấp Đô thị thành phố - Sở Xây dựng | Các sở - ngành, quận - huyện có liên quan | Báo cáo Sơ kết 5 năm (2004 - 2009) | Dự án | |
| 4 | Thông xe giai đoạn 1 cầu Nguyễn Văn Cừ (nhánh từ quận 4 sang quận 1, quận 5) | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý II năm 2009 | Dự án | |
| 5 | Thông xe cầu Thủ Thiêm (giai đoạn 1) | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý I năm 2009 | Dự án | |
| 6 | Thảm bê tông nhựa hoàn thiện đường trục Bắc Nam đoạn từ Nguyễn Văn Linh đến nút giao bờ Nam cầu Bà Chiêm | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý II năm 2009 | Dự án | |
| 7 | Hợp long cầu Phú Mỹ | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý II năm 2009 | Dự án | |

| | | | | | | |
|----------|---|-----------------------------|--------------------------------|------------------|---|--|
| 8 | Đưa vào khai thác sử dụng cầu Ông Buồng 2 trên đường Hồng Bàng | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý III năm 2009 | Dự án | |
| 9 | Dự án xây dựng đại lộ Đông Tây | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | | | |
| | + Thông xe cầu Calmette | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý I năm 2009 | Dự án | |
| | + Thông xe cầu Chữ Y | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý II năm 2009 | Dự án | |
| | + Hoàn thành 1,4km mở rộng Quốc lộ 1A thuộc phạm vi nút giao đại lộ Đông Tây với Quốc lộ 1A và 2 cầu vượt bộ hành | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý II năm 2009 | Dự án | |
| | + Thông xe hai nhánh cầu Chà Và | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý II năm 2009 | Dự án | |
| | + Thông xe cầu Khánh Hội | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý I năm 2009 | Dự án | |
| C | LĨNH VỰC BẢO VỆ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG | | | | | |
| 1 | Chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố về một số biện pháp tăng cường triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2003 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2006 | Chỉ thị số 02/2006/CT-UBND ngày 16/01/2006 của UBND thành phố | |

| | | | | | |
|---|---|-----------------------------|--------------------------------|-------------|---|
| 2 | Quy định về kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác bồi thường khi nhà nước thu hồi đất | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2006 | Quyết định số 74/2006/QĐ-UBND ngày 17/5/2006 của UBND thành phố |
| 3 | Dự án điều chỉnh địa giới hành chính chia tách phường đông dân quận 12, quận Gò Vấp thuộc thành phố Hồ Chí Minh | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nội vụ và quận 12, Gò Vấp | 2006 - 2008 | Nghị định số 143/2006/NĐ-CP ngày 23/11/2006 |
| 4 | Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2006 - 2010 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2007 | Nghị quyết số 10/2007/NQ-CP ngày 13/02/2007 của Chính phủ |
| 5 | Quy định về trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tài chính và quận, huyện | Năm 2008 | Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố |

| | | | | | |
|---|--|-----------------------------|--------------------------------|----------|--|
| 6 | Quy chế phối hợp liên ngành giải quyết hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2008 | Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố |
| 7 | Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2008 | Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 04/8/2008 của UBND thành phố |
| 8 | Quy định diện tích tối thiểu khi tách thửa | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2009 | Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 của UBND thành phố |
| 9 | Quy định về trình tự thủ tục công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức đang sử dụng đất | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2009 | Quyết định số 35/2009/QĐ-UBND ngày 06/5/2009 của UBND thành phố |

| | | | | | |
|-----------|--|-----------------------------|--------------------------------|----------|---|
| 10 | Quy chế phối hợp liên ngành giải quyết hồ sơ công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức đang sử dụng đất | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2009 | Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 06/5/2009 của UBND thành phố |
| 11 | Bộ đơn giá công tác đo đạc bản đồ địa chính năm 2009 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2009 | Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 16/6/2009 của UBND thành phố |
| 12 | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 07/2007/QH12 và Chỉ thị số 02/2008/CT-BTNMT | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2009 | Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND thành phố |
| 13 | Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2006 | Quyết định số 99/2006/QĐ-UBND ngày 11/7/2006 của UBND thành phố |

| | | | | | |
|----|--|-----------------------------|---------------------------------------|----------|---|
| 14 | Đơn giá công tác thuê bao quét thu gom rác đường phố trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2006 | Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của UBND thành phố |
| 15 | Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Đồng Nai | Sở Tài nguyên và Môi trường | UBND và Sở TNMT 11 tỉnh trong khu vực | Năm 2007 | Quyết định số 187/2007/QĐ-TTg ngày 03/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ |
| 16 | Quy định tuyến và thời gian vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2007 | Quyết định số 85/2007/QĐ-UBND ngày 14/6/2007 của UBND thành phố |
| 17 | Quy định quản lý dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý bùn hầm cầu và bùn nạo vét hệ thống thoát nước và kênh rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2007 | Quyết định số 73/2007/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 của UBND thành phố |

| | | | | | |
|----|---|-----------------------------|--|----------------------|--|
| 18 | Thành lập Ban chỉ đạo giải thưởng “Doanh nghiệp xanh” | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2008 | Quyết định số 3422/QĐ-UBND ngày 09/8/2008 của UBND thành phố |
| 19 | Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình hành động triển khai Nghị quyết 41-NQ/TW | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2008 | Báo cáo của UBND thành phố |
| 20 | Quy định thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tài chính, Cục Thuế và quận - huyện | Năm 2008 | Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 20/12/2008 của UBND thành phố |
| 21 | Dự án đầu tư phân loại chất thải rắn đô thị tại nguồn trên địa bàn quận 6 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2008 | Quyết định số 314/QĐ-TNMT-KH ngày 27/5/2008 của Sở TNMT |
| 22 | Tổ chức lễ trao giải thưởng “Doanh nghiệp xanh” | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện và doanh nghiệp | Năm 2006 và năm 2009 | Quyết định khen thưởng của UBND thành phố |

| | | | | | | |
|----|--|-----------------------------|--------------------------------|----------|--|--|
| 23 | Báo cáo Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược quản lý môi trường thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2009 | Tờ trình số 3010/TNMT -QLMT ngày 05/5/2009 | |
|----|--|-----------------------------|--------------------------------|----------|--|--|

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC II**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN ĐANG HOÀN TẤT NHẪM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ VIII***(Ban hành kèm theo Quyết định số 81/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành/Trình | Sản phẩm/Hình thức văn bản | Ghi chú |
|-----------|--|--|--|--|-----------------------------------|----------------|
| A | LĨNH VỰC KINH TẾ | | | | | |
| I | Thúc đẩy sản xuất kinh doanh và xuất khẩu, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh | | | | | |
| 1 | Xây dựng quy hoạch sản xuất nông nghiệp thành phố đến năm 2020, tầm nhìn năm 2025 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện. | Đang thực hiện, đã báo cáo Thường trực Thành Ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố | Quyết định | |
| 2 | Xây dựng chương trình phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu các Xã điểm nông thôn mới | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | Quý IV/2009 | Quyết định | |
| 3 | Xây dựng đề án và chính sách phát triển cơ khí hóa nông nghiệp TP | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương | Quý III/2009 Đang thực hiện | Quyết định | |

| | | | | | | |
|---|---|--|--|---|------------|--|
| 4 | Xây dựng đề án bảo vệ, phát triển các loại rừng, cây xanh trên địa bàn thành phố đến năm 2020 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các quận - huyện | Quý III/2009 Đang thực hiện | Quyết định | |
| 5 | Xây dựng đề án phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn đến năm 2020 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Liên minh các HTX TP, các sở - ban - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện | Quý III/2009 Đang thực hiện | Quyết định | |
| 6 | Xây dựng đề án tăng cường năng lực và nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân các quận - huyện | Quý III/2009 Đang thẩm định để trình duyệt | Quyết định | |
| 7 | Xây dựng đề án bảo tồn phát triển các làng nghề kết hợp du lịch sinh thái | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở - ngành liên quan | Quý IV/2009 Đang thực hiện | Quyết định | |
| 8 | Xây dựng đề án nâng cấp Trường Trung học Kỹ thuật nông nghiệp trở thành Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật nông nghiệp | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ | Quý IV/2009 Đang thực hiện | Quyết định | |

| | | | | | | |
|----|---|--|---|------------------------------------|------------|--|
| 9 | Xây dựng đề án củng cố và đổi mới tổ chức bộ máy làm công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn tại các huyện và xã | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Nội vụ; các sở - ban - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện | Quý III/2009 Đang thực hiện | Quyết định | |
| 10 | Xây dựng và triển khai dự án đầu tư Trung tâm Thủy sản tại huyện Cần Giờ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Quy hoạch - KT, các sở - ban - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ | Quý IV/2009 | Quyết định | |
| 11 | Xây dựng Chương trình nâng cao chất lượng công tác quản lý VSATTP đối với nông sản thực phẩm trên địa bàn thành phố đến năm 2010, tầm nhìn năm 2020 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Chi cục Thú y, Bảo vệ thực vật, Chi cục QLCL và BVNLTS | Đã trình Ủy ban nhân dân thành phố | Quyết định | |
| 12 | Bổ sung, hoàn chỉnh và triển khai Dự án nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp, phát triển khí sinh học | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc Sở | Quý III/2009 | Quyết định | |

| | | | | | | |
|----|--|--|---|---|------------|--|
| 13 | Triển khai thực hiện mô hình thí điểm áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (GPPS) cho rau, thịt lợn và thịt gia cầm an toàn trên địa bàn thành phố | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Chi cục Thú y, Chi cục BVTV | 2009 - 2010 | Quyết định | |
| 14 | Bổ sung, hoàn chỉnh và triển khai Dự án nâng cao năng lực cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (LIFSAP) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Chi cục Thú y, các đơn vị trực thuộc Sở | Quý III/2009 | Quyết định | |
| 15 | Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | Theo kế hoạch và chủ trương của UBND TP | Quyết định | |
| 16 | Xây dựng đề án phát triển, mở rộng các Khu Nông nghiệp công nghệ cao thành phố | Ban QL Khu Nông nghiệp công nghệ cao | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 17 | Điều chỉnh quy hoạch sản xuất muối đến năm 2020 theo hướng sản xuất muối sạch, hiện đại | Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |

| | | | | | | |
|----|---|---|--|--|--|--|
| 18 | Xây dựng và công bố quy hoạch chung xây dựng | Sở Quy hoạch - Kiến trúc Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 19 | Xây dựng kế hoạch sử dụng đất của thành phố đến năm 2020 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 20 | Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn đến năm 2020 và tầm nhìn 2025 | Viện Nghiên cứu phát triển (Viện Kinh tế) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 21 | Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch giao thông nông thôn; mạng lưới chợ, siêu thị; y tế, giáo dục, văn hóa thông tin khu vực ngoại thành | Các sở chuyên ngành | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 22 | Xây dựng đề án phát triển nông nghiệp đô thị, sinh thái trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ngoại thành | Ban Chỉ đạo Nông nghiệp - Nông thôn TP | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |

| | | | | | | |
|----|---|------------------------------|---|--|--|--|
| 23 | Xây dựng đề án xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản, phát triển chuỗi ngành hàng nông sản | Sở Công Thương | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 24 | Xây dựng đề án nghiên cứu và ứng dụng các đề tài khoa học, tiến bộ kỹ thuật để phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn; trong đó chú trọng lĩnh vực công nghệ sinh học, giống mới trong sản xuất nông nghiệp | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 25 | Xây dựng đề án phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn | Sở Công Thương | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp | | | |
| 26 | Xây dựng chương trình đưa công nghệ thông tin về nông thôn | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp | | | |
| 27 | Xây dựng đề án đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực nông thôn | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp | | | |

| | | | | | | |
|-----------|---|---|---|--|--|--|
| 28 | Xây dựng đề án đào tạo nghề, chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang phi nông nghiệp | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp | | | |
| 29 | Xây dựng đề án phát triển giai cấp nông dân và củng cố liên minh công nhân, nông dân, trí thức trong tiến trình CNH, HĐH, nông nghiệp, nông thôn ngoại thành | Hội Nông dân thành phố | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp | | | |
| 30 | Xây dựng đề án bảo vệ và cải thiện môi trường vùng nông thôn ngoại thành | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp | | | |
| 31 | Xây dựng đề án phát triển đời sống văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, kết hợp phát triển du lịch sinh thái vùng nông thôn ngoại thành | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 32 | Rà soát, bổ sung các chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn | Viện Nghiên cứu phát triển (Viện Kinh tế) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |

| | | | | | | |
|----|--|-----------------------|--|----------------|-------|--|
| 33 | Xây dựng chính sách thu hút cán bộ, thanh niên trí thức về nông thôn | Sở Nội vụ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 34 | Xây dựng chính sách bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp | Sở Tài chính | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 35 | Xây dựng đề án bảo hiểm nông nghiệp | Sở Tài chính | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 36 | Rà soát, bổ sung hoàn chỉnh cơ chế chính sách đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 37 | Quy hoạch chương trình phát triển công nghiệp phụ trợ TP.HCM và hợp tác tỉnh từ nay đến năm 2015, định hướng đến 2020 (<i>thuộc Chương trình Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý I năm 2010 | Dự án | |
| 38 | Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến tinh lương thực - thực phẩm TP.HCM từ nay đến năm 2015, định hướng đến 2020 (<i>thuộc Chương trình CDCCCN</i>) | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý I năm 2010 | Dự án | |

| | | | | | | |
|----|--|--|------------------------------|------------------|--------|--|
| 39 | Đầu tư xây dựng và trang thiết bị cho Trung tâm Thiết kế - Chế tạo thiết bị mới (giai đoạn 1) <i>(thuộc Chương trình CDCCCN)</i> | Trung tâm Thiết kế - Chế tạo thiết bị mới (Sở Khoa học và Công nghệ) | | Quý II năm 2010 | Dự án | |
| 40 | Trung tâm Kỹ thuật chất dẻo và cao su <i>(thuộc Chương trình CDCCCN)</i> | Trung tâm Kỹ thuật chất dẻo và cao su (Sở Công Thương) | | Quý IV năm 2010 | Dự án | |
| 41 | Chiến lược tạo nguồn hàng thiết yếu bình ổn thị trường TP.HCM đến năm 2015 | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý III năm 2009 | Đề án | |
| 42 | Quy hoạch phát triển điện lực thành phố giai đoạn đến năm 2015, có xét đến năm 2020 | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý IV năm 2009 | Dự án | |
| 43 | Quy hoạch hệ thống mạng lưới kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn thành phố | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý IV năm 2009 | Dự án | |
| 44 | Đề tài xây dựng Sở Giao dịch hàng hóa | Viện Nghiên cứu phát triển | Sở Công Thương | Năm 2009 | Đề tài | |

| | | | | | | |
|----|--|---|--------------------------|----------|--------------|--|
| 45 | Chương trình xây dựng Khu bảo thuế trong Khu Công nghệ cao | Khu Công nghệ cao | Sở Công Thương | Năm 2010 | Chương trình | |
| 46 | Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động xúc tiến xuất khẩu trọn gói | Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Chương trình | |
| 47 | Chương trình xúc tiến thị trường nội địa | Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Chương trình | |
| 48 | Chương trình xúc tiến xuất khẩu | Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Chương trình | |
| 49 | Chương trình xúc tiến hàng Việt Nam ở thị trường Campuchia | Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Chương trình | |
| 50 | Xây dựng tòa nhà xúc tiến thương mại - đầu tư - du lịch | Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Chương trình | |
| 51 | Các Đề án cải cách, hiện đại hóa Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2008-2010 và định hướng đến năm 2020 | Cục Hải quan thành phố | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Đề án | |

| | | | | | | |
|-----------|--|---------------------------------|------------------------------------|--------------|---|--|
| 52 | Chương trình nâng cao tỷ trọng gia tăng đối với nhóm hàng thủy sản xuất khẩu để thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2008 - 2010 và định hướng đến năm 2020 | Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn | Sở Công Thương | Quý III/2009 | Đề cương | |
| 53 | Dự án khu ngoại giao đoàn tại quận 2 và quận 9 | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Công ty Fosco | Năm 2010 | Dự án | |
| II | Kích cầu đầu tư, huy động, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư và kích cầu tiêu dùng | | | | | |
| 1 | Thực hiện đấu thầu 2 gói thầu của Dự án hỗ trợ kỹ thuật 1,5 triệu Euro do AFD tài trợ | Quỹ Đầu tư phát triển đô thị | Các cơ quan chức năng có liên quan | Năm 2010 | Hợp đồng triển khai dự án với đơn vị trúng thầu | |
| 2 | Triển khai kế hoạch phát hành 10.000 tỷ đồng trái phiếu đô thị thành phố | Quỹ Đầu tư phát triển đô thị | Các cơ quan chức năng có liên quan | Năm 2010 | | |
| 3 | Quy hoạch phát triển hệ thống thương mại của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn đến năm 2015, tầm nhìn đến 2020 | Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn | Sở Công Thương | Quý III/2009 | Dự thảo quy hoạch | |

| | | | | | | |
|------------|---|---------------------------------|---|--------------|--|--|
| 4 | Khu Thương mại Bình Điền (Giai đoạn 2) | Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn | | Năm 2011 | Các hạng mục công trình | |
| 5 | Triển khai cho vay và tài trợ đối với nguồn vốn Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ hỗ trợ phát triển nhân lực công nghệ thông tin thành phố và các dự án cải tạo lưới điện thành phố | Quỹ Đầu tư phát triển đô thị | Các cơ quan chức năng có liên quan | Năm 2010 | | |
| III | Thực hiện chính sách tài chính, tiền tệ và đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô | | | | | |
| 1 | Chương trình phát triển thị trường tài chính trên địa bàn thành phố giai đoạn đến năm 2015 và tầm nhìn 2020 | Viện nghiên cứu phát triển | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP; Sở Tài chính | | Chương trình | |
| B | LĨNH VỰC ĐÔ THỊ | | | | | |
| 1 | Đồ án quy hoạch 1/5000 Khu đô thị mới Nam thành phố | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Ban Quản lý Khu Nam, Viện Quy hoạch | Quý IV/2009 | Quyết định phê duyệt quy hoạch của UBND TP | |
| 2 | Đồ án quy hoạch 1/5000 Khu đô thị cảng Hiệp Phước | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Ban Quản lý Khu Nam | Quý IV /2009 | Quyết định phê duyệt quy hoạch của UBND TP | |

| | | | | | | |
|---|---|--------------------------|--------------------------|------------------|-----------------------------------|--|
| 3 | Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất | Ban Quản lý Khu Nam | | Tháng 9/2009 | Quyết định phê duyệt của UBND TP | Đang hoàn chỉnh, trình duyệt |
| 4 | Đồ án thiết kế đô thị trục đường Nguyễn Văn Linh, đường Bắc Nam, Quốc lộ 50 | Ban Quản lý Khu Nam | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Dự kiến năm 2009 | Quyết định phê duyệt của UBND TP | Chờ ý kiến của Sở QH-KT |
| 5 | Đồ án QHCT 1/500 hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Văn Linh | Ban Quản lý Khu Nam | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Dự kiến năm 2009 | Quyết định phê duyệt của UBND TP | Chờ ý kiến đóng góp của các đơn vị, Sở - ngành |
| 6 | Đồ án QHCT 1/2000 Khu chức năng số 12 | Ban Quản lý Khu Nam | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Quý I/2009 | Quyết định phê duyệt của UBND TP | Chờ UBND TP phê duyệt |
| 7 | Nghiên cứu về quy hoạch ngành nghề kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn Khu A | Ban Quản lý Khu Nam | | Tháng 9/2009 | Quyết định phê duyệt của Ban QLKN | Đang hoàn chỉnh, trình duyệt |
| 8 | Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố đến năm 2025 | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Viện Quy hoạch xây dựng | Quý III/2009 | | |
| 9 | Quy hoạch chung xây dựng quận - huyện: 7, Phú Nhuận, Củ Chi, Bình Chánh, Bình Tân | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Quận - huyện | | | |

| | | | | | | |
|----|--|--|-----------------------|--------------|--|--|
| 10 | Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề và các bệnh viện, cơ sở y tế | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | | | | |
| 11 | Đề cương đề án ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật đến năm 2020 | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Các sở - ngành | Quý III/2009 | | |
| 12 | Lập quy hoạch chi tiết xây dựng phát triển 1/2000 và quy chế quản lý kiến trúc đô thị cấp 2 cho khu trung tâm hiện hữu thành phố | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Công ty Nikken Sekkei | | | |
| 13 | Cải tạo hệ thống thoát nước đường Chu Văn An (từ Tháp Mười - Trần Văn Kiểu) | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2009 - 2010 | Dài tuyến 459,6m. Lắp đặt cống tròn D400 - D600, cống hộp (3 x 2,5)m. Xây dựng mới hầm ga thăm và thu nước. | |
| 14 | Cải tạo hệ thống thoát nước đường Nguyễn Thị Nhỏ - Lê Quang Sung | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2009 - 2010 | Dài tuyến 1.003,4m. Lắp đặt cống hộp đơn (2,8 x 2)m; cống hộp đôi từ 2(1,6 x 2)m - 2(1,8 x 2)m; cống ngang từ D400 - D1200. Xây dựng mới hầm ga thăm và thu nước | |

| | | | | | |
|----|---|--|-----------------------|-------------|--|
| 15 | Cải tạo hệ thống thoát nước đường Phạm Đình Hồ - Cao Văn Lầu (từ Lê Quang Sung đến Trần Văn Kiêu) | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2009 - 2010 | Dài tuyến 719,05m. Lắp đặt cống hộp chính (3 x 2,5)m; 2 (2 x 2)m; 2 (2,3 x 2)m. Cống ngang từ D400 - D600. Xây dựng mới hầm ga thăm và thu nước |
| 16 | Cải tạo hệ thống thoát nước đường Hùng Vương - Hoàng Lệ Kha | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2009 - 2010 | Dài tuyến 724,5m. Lắp đặt cống tròn D600 - D1800, cống hộp 2 (2,2 x 2)m - 2 (2,3 x 2)m. Xây dựng mới hầm ga thăm và thu nước |
| 17 | Cải tạo hệ thống thoát nước đường 3 Tháng 2 (từ Hàn Hải Nguyên - Minh Phụng) | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2009 - 2010 | Dài tuyến 699,93m. Lắp đặt cống tròn D600 - D1800. Xây dựng mới hầm ga thăm và thu nước |
| 18 | Cải tạo hệ thống thoát nước đường Minh Phụng (từ Bình Thới - 3 Tháng 2) | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2009 - 2010 | Dài tuyến 1.055m. Lắp đặt cống tròn D600, cống hộp đơn (3 x 2)m; cống hộp đôi từ 2 (1,6 x 2)m - 2 (1,8 x 2)m. Xây dựng mới hầm ga thăm và thu nước |

| | | | | | |
|----|---|--|-----------------------|-------------|--|
| 19 | Cải tạo hệ thống thoát nước đường Bình Thới (từ Âu Cơ - Minh Phụng) | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2009 - 2010 | Dài tuyến 961,7m. Lắp đặt công tròn D600 - D2000, công hộp (2,4 x 2)m - (2,8 x 2)m. Xây dựng mới hầm ga thăm và thu nước |
| 20 | Kiểm soát triều Rạch Cầu Bông - Bình Triệu - Bình Lợi - Rạch Lăng | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2004 - 2010 | Cống kiểm soát điều tiết nước triều chống ngập úng cho thành phố công suất 200.000 m ³ /giờ |
| 21 | Cải tạo tuyến mương Nhật Bản (từ tường rào sân bay Tân Sơn Nhất đến Nguyễn Kiệm) | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2004-2010 | Lắp đặt 1,263. cống hộp 2 (2,5x2) Lắp đặt 308m cống ngang D400 XD tuyến đường dài 778m rộng 14m Lắp đặt đèn chiếu sáng công cộng |
| 22 | Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực xung quanh hồ sinh học, phường Bình Hưng Hòa | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2005 - 2010 | Gia cố, lắp đặt cống chiều dài tuyến 1.904m, rộng 3-3,8. Cải tạo lại nền và mặt đường tổng chiều dài 3.953m, rộng 7-12m |

| | | | | | | |
|----|--|--|-----------------------|-------------|---|--|
| 23 | Giảm ngập cục bộ khu vực vòng xoay Cây Gõ | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2009 - 2010 | Công trình cấp bách làm giảm ngập 2 khu vực trọng điểm ngập nặng trong thời gian chờ thi công, đấu nối đồng bộ của dự án tiêu Hàng Bàng | |
| 24 | Giảm ngập cục bộ khu vực bên xe Chợ Lớn | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2009 - 2010 | | |
| 25 | Lắp đặt trạm bơm bên Phú Lâm | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2009 - 2010 | Bơm ứng phó khu vực thường xuyên ngập nặng | |
| 26 | Cải tạo kênh Ba Bò | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2008 - 2010 | Xây dựng hồ điều tiết kết hợp xử lý nước thải, cầu, cống hộp và nạo vét các tuyến kênh giải quyết ngập úng và ô nhiễm | |
| 27 | Đề án thiết kế đô thị các trục đường: Tân Sơn Nhất - Bình Lợi; Đại lộ Đông Tây; Xa lộ Hà Nội | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Quận - huyện | | | |

| | | | | | | |
|--|---|--|---|------------------|-------|--|
| 28 | Đề án quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng | Sở Xây dựng thành phố | Các Sở - ngành, quận - huyện có liên quan | Quý IV/2009 | Đề án | |
| 29 | Các dự án do Công ty BOT cầu Phú Mỹ làm chủ đầu tư | | | | | |
| | + Thông xe cầu Phú Mỹ | Công ty BOT cầu Phú Mỹ | Các sở - ngành, quận - huyện | Ngày 02/9/2009 | Dự án | |
| | + Xây dựng cầu cạn nối khu A Nam Sài Gòn (nối đường Nguyễn Văn Linh) đến cầu Phú Mỹ | Công ty BOT cầu Phú Mỹ | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý IV năm 2009 | Dự án | |
| | + Nút giao thông khu A Nam Sài Gòn | Công ty BOT cầu Phú Mỹ | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý III năm 2010 | Dự án | |
| | + Đoạn tuyến vành đai phía Đông từ cầu Phú Mỹ đến Liên tỉnh lộ 25B | Công ty BOT cầu Phú Mỹ | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý IV năm 2009 | Dự án | |
| + Đoạn tuyến từ Liên tỉnh lộ 25B đến chân cầu Rạch Chiếc | Công ty BOT cầu Phú Mỹ | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý II năm 2010 | Dự án | | |
| 30 | Dự án vệ sinh môi trường thành phố (Nhiều Lộ - Thị Nghè) | Ban Quản lý dự án Vệ sinh môi trường thành phố | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý IV năm 2009 | Dự án | |

| | | | | | | |
|-----------|--|-------------------------------|--|---------------|-------------------------------|--|
| C | LĨNH VỰC BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG | | | | | |
| I | Lĩnh vực quản lý đất đai | | | | | |
| 1 | Dự thảo Quy định về hạn mức giao đất, cho thuê đất bãi bồi ven sông, ven biển cho hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Tháng 12/2009 | Quyết định của UBND thành phố | |
| 2 | Kế hoạch Tổng kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Tháng 12/2009 | Quyết định của UBND thành phố | |
| II | Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn và biển đảo | | | | | |
| 1 | Chương trình nước sạch cho nhân dân nội thành và ngoại thành giai đoạn 2006 - 2010 | Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Năm 2010 | | |
| 2 | Đề án Quy hoạch tài nguyên nước thành phố đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2010 | Quyết định của UBND thành phố | |
| 3 | Quy định quản lý và khai thác nước, thành lập bản đồ phân vùng khai thác nước dưới đất | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2010 | Quyết định của UBND thành phố | |

| | | | | | | |
|--|---|-----------------------------|---|---------------|-------------------------------|--|
| 4 | Đề án Quy hoạch khoáng sản thành phố Hồ Chí Minh | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Tháng 12/2009 | Quyết định của UBND thành phố | |
| 5 | Dự án Xây dựng mạng quan trắc động đất thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Nam bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2010 | Quyết định của UBND thành phố | |
| 6 | Đề án đánh giá diễn biến mực nước biển, mực nước triều trên các sông lớn khu vực thành phố | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Tháng 12/2009 | Quyết định của UBND thành phố | |
| 7 | Chương trình điều tra cơ bản tài nguyên môi trường biển và ven biển, phòng chống thiên tai | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Tháng 12/2009 | Quyết định của UBND thành phố | |
| 8 | Đề án Quan trắc biến dạng mặt đất thành phố bằng phương pháp INSAR vi phân | Sở Tài nguyên và Môi trường | Trung tâm Địa tin học Đại học quốc gia TP.HCM | Tháng 12/2009 | Báo cáo | |
| III Lĩnh vực quản lý môi trường | | | | | | |
| 1 | Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại trên địa bàn thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Tháng 12/2009 | Quyết định của UBND thành phố | |

| | | | | | | |
|----------|---|-----------------------------|---|--------------------|-------------------------------|--|
| 2 | Quy định về quản lý chất thải nguy hại (E-manifest, định vị GPS) bằng công nghệ thông tin | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Tháng 12/2009 | Quyết định của UBND thành phố | |
| 3 | Quy định phân loại chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn nguy hại | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Tháng 12/2009 | Quyết định của UBND thành phố | |
| 4 | Quy định khuyến khích hoạt động tái sử dụng, tái chế các loại chất thải và phế liệu | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Tháng 12/2009 | Quyết định của UBND thành phố | |
| D | LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI | | | | | |
| 1 | Đề án Bổ sung, điều chỉnh Quyết định số 165/2004/QĐ-UBND (Quy hoạch mạng lưới khám chữa bệnh TP.HCM đến năm 2020 định hướng đến năm 2025) | Sở Y tế | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Trong tháng 9/2009 | Đề án | |
| 2 | Đề án Triển khai mô hình viện, trường Củ Chi | Sở Y tế | Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND huyện Củ Chi | Quý III/2009 | Đề án | |

| | | | | | | |
|----------|---|-------------------------------------|---|---------------------------|--|--|
| 3 | Đề án Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở đến năm 2020 định hướng đến năm 2025 | Sở Y tế | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Quý 1/2010 | Đề án | |
| E | LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ | | | | | |
| I | Tạo việc làm, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội | | | | | |
| 1 | Giải quyết tình trạng người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn thành phố đến năm 2010 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Công an thành phố; Sở Tư pháp thành phố | 12 tháng | Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố | |
| 2 | Giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn giai đoạn 2006 - 2010 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Tư pháp | Hoàn thành trong năm 2009 | Chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, báo cáo kết quả thực cho Ủy ban nhân dân thành phố | |
| 3 | Khởi công xây dựng Dự án chung cư 35 Hồ Học Lãm, Q. Bình Tân và Dự án nhà ở CB CNV thu nhập thấp phường Hiệp Thành Q.12 | Quỹ Phát triển nhà ở | | Năm 2010 | | |

| | | | | | | |
|-----------|---|---------------------------------|---|-------------|-------|--|
| 4 | Thực hiện chương trình cho vay đối với các đối tượng thuộc diện tái định cư | Quỹ Phát triển nhà ở | Ủy ban nhân dân quận - huyện | Năm 2009 | | |
| 5 | Khởi công xây dựng Dự án chung cư 35 Hồ Học Lãm, Q. Bình Tân và Dự án nhà ở CB CNV thu nhập thấp phường Hiệp Thành Q.12 | Quỹ Phát triển nhà ở | | Năm 2010 | | |
| 6 | Cho vay theo chương trình của Ngân hàng Thế giới (Quỹ quay vòng) | Quỹ Phát triển nhà ở | Ban Quản lý dự án nâng cấp đô thị thành phố | 2009 - 2010 | | |
| 7 | Thực hiện chương trình cho vay đối với các đối tượng thuộc diện tái định cư | Quỹ Phát triển nhà ở | Ủy ban nhân dân quận - huyện | Năm 2009 | | |
| II | Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | |
| 1 | Đề án điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở vật chất ngành văn hóa - thể thao giai đoạn 2010 - 2015, hướng đến 2025. | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Viện Nghiên cứu phát triển; 24 quận, huyện | Năm 2009 | Đề án | |

| | | | | | | |
|---|---|---------------------------------|---|----------|-------|--|
| 2 | Chiến lược phát triển nguồn nhân lực du lịch TP.HCM từ nay đến năm 2020 | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Đại học Kinh tế TP.HCM, Hiệp hội Du lịch, Hội ngành nghề du lịch, các trường đào tạo nghiệp vụ | Năm 2009 | Đề án | |
| 3 | Đề án Quy hoạch mạng lưới tượng và tượng đài trên địa bàn thành phố | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Viện Nghiên cứu phát triển, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải | Năm 2010 | Đề án | |
| 4 | Đề án đổi mới công tác tổ chức và quản lý các đơn vị nghệ thuật công lập nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động theo định hướng xã hội hóa | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Ban Tư tưởng Văn hóa Thành ủy, Sở Nội vụ, các quận - huyện | Năm 2010 | Đề án | |
| 5 | Đề án thực hiện chương trình hành động của Thành ủy TP. Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học - nghệ thuật trong thời kỳ mới | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức, Ban Dân vận Thành ủy; Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Năm 2009 | Đề án | |

| | | | | | | |
|---|---|---------------------------------|--|----------|-------|--|
| 6 | Đề án xây dựng Tượng đài Bác Hồ, Bác Tôn kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Các sở, ngành liên quan | Năm 2010 | Đề án | |
| 7 | Dự án đầu tư “Cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ thể thao” cho Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Y học | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ | Năm 2009 | Dự án | |
| 8 | Lập và triển khai dự án xây dựng nhà ở cho huấn luyện viên, vận động viên tài năng | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Các Sở, ban, ngành liên quan | Năm 2010 | Dự án | |
| 9 | Đề án quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2020 | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Viện Nghiên cứu phát triển du lịch (Tổng cục Du lịch), Viện Nghiên cứu phát triển, các Sở - ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các quận huyện, các doanh nghiệp khách sạn, lữ hành | Năm 2010 | Đề án | |

| | | | | | | |
|----|---|---------------------------------|--|----------|-------|--|
| 10 | Đề án nghiên cứu phát triển du lịch đường sông Sài Gòn | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Viện Nghiên cứu phát triển du lịch (Tổng cục Du lịch), Trung tâm Nghiên cứu Giao thông đường thủy, các sở - ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các doanh nghiệp khách sạn, lữ hành | Năm 2009 | Đề án | |
| 11 | Đề án xây dựng chiến lược thương hiệu du lịch thành phố Hồ Chí Minh | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Công ty Cowan Viet Nam (Úc), các chuyên gia du lịch, các doanh nghiệp du lịch, khách sạn tại thành phố Hồ Chí Minh | Năm 2009 | Đề án | |
| 12 | Đề án phát triển khu phố du lịch Phạm Ngũ Lão | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Đại học Kinh tế, các sở - ngành chức năng, các doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân quận, phường sở tại | Năm 2009 | Đề án | |

| | | | | | | |
|----|--|---------------------------------|--------------------------|----------|--------|--|
| 13 | Đề tài nghiên cứu thị trường khách quốc tế vào thành phố Hồ Chí Minh, dự báo phương hướng phát triển của thị trường và các đề xuất về phát triển du lịch của thành phố | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Đề tài | |
| 14 | Đề tài nghiên cứu nhu cầu, thị hiếu của khách du lịch Nhật và một số vấn đề về phát triển sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút du khách Nhật | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Đề tài | |
| 15 | Đề tài nghiên cứu về hiện trạng và các giải pháp phát triển loại hình du lịch hội nghị tại thành phố Hồ Chí Minh | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Đề tài | |
| 16 | Đề tài nghiên cứu khai thác và phát huy các giá trị văn hóa ẩm thực trong xây dựng sản phẩm du lịch ở thành phố Hồ Chí Minh | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Đề tài | |

| | | | | | | |
|----|--|---|---|----------|--------------|--|
| 17 | Kế hoạch nâng cấp, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa xuống cấp trên địa bàn thành phố | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Kế hoạch | |
| 18 | Kế hoạch đăng cai tổ chức Asian Indoor Games III tại thành phố Hồ Chí Minh | Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức Asian Indoor Games III | Các sở - ngành, quận - huyện liên quan | Năm 2009 | Kế hoạch | |
| 19 | Chương trình phát triển các sản phẩm du lịch đạt chuẩn đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư | Năm 2009 | Chương trình | |
| 20 | Chương trình “Thành phố Hồ Chí Minh - 100 điều thú vị” | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Các sở - ngành, quận - huyện liên quan | Năm 2009 | Chương trình | |
| 21 | Chương trình hội chợ quốc tế du lịch ITE 2009 | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Công ty VINEXAD và BINET, Tổng Công ty Hàng không Quốc gia và các hãng hàng không nước ngoài | Năm 2009 | Chương trình | |

| | | | | | | |
|----------|--|---|---|----------|-----------------------|--|
| 22 | Chương trình Liên hoan ẩm thực Món ngon các nước | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn, Hiệp hội Du lịch, các Tổng lãnh sự quán... | Năm 2009 | Chương trình | |
| 23 | Mô hình và phương án xây dựng tượng đài Thống Nhất, tượng đài Nam Kỳ Khởi Nghĩa | Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | Các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng | Năm 2009 | Dự án | |
| 24 | Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2008 - 2010 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở - ngành liên quan | Năm 2010 | Chương trình | |
| F | LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH | | | | | |
| 1 | Chỉ thị tăng cường công tác tuyên truyền phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Chỉ thị của UBNDTP | |
| 2 | Quy định trách nhiệm của người đứng đầu trong việc đề xảy ra cháy tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố | Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Quyết định của UBNDTP | |

| | | | | | | |
|---|--|---|--------------------------|----------|--------------------|--|
| 3 | Quy định về huy động lực lượng và phương tiện phục vụ công tác PCCC và cứu hộ cứu nạn trên địa bàn thành phố | Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Chỉ thị của UBNDTP | |
| 4 | Đề án nâng cao năng lực PCCC trên địa bàn thành phố ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới | Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố | Các sở - ngành liên quan | Năm 2009 | Đề án | |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC III**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN SẼ TRIỂN KHAI NHẪM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ VIII***(Ban hành kèm theo Quyết định số 81/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành/Trình | Sản phẩm/Hình thức văn bản | Ghi chú |
|-----------|--|--|--|----------------------------------|-----------------------------------|----------------|
| A | LĨNH VỰC KINH TẾ | | | | | |
| | Thúc đẩy sản xuất kinh doanh và xuất khẩu, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh | | | | | |
| 1 | Xây dựng chương trình, đề án phát triển một số loại cây trồng, vật nuôi chủ yếu đến năm 2020 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện | Năm 2010 | Quyết định | |
| | Đề án gây nuôi, phát triển và quản lý một số loại động vật hoang dã | Chi cục Kiểm lâm | | Năm 2009 | Đề án | |
| 2 | Quy hoạch phát triển ngành thương mại thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý II năm 2010 | Dự án | |
| 3 | Quy hoạch phát triển công nghiệp dệt may thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý IV năm 2010 | Dự án | |

| | | | | | | |
|----------|---|--|--|------------------|---|--|
| 4 | Quy hoạch phát triển công nghiệp TP.HCM giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020. | Sở Công Thương | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý IV năm 2010 | Dự án | |
| 5 | Chương trình thực hành sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2010 - 2015 | Sở Công Thương | Sở Khoa học và Công nghệ; Công ty Điện lực thành phố | Quý II năm 2010 | Đề án | |
| B | LĨNH VỰC ĐÔ THỊ | | | | | |
| 1 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu D, E để giao cho Công ty TNHH LD Phú Mỹ Hưng | Ban Quản lý Khu Nam | UBND huyện Bình Chánh | Năm 2010 | Đất đã giải phóng mặt bằng | |
| 2 | Quy hoạch Khu đô thị đại học 583 ha tại xã Hưng Long, huyện Bình Chánh | Ban Quản lý Khu Nam | Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Dự kiến năm 2010 | Quyết định phê duyệt của UBND TP | |
| 3 | Đầu tư xây dựng khu chức năng số 19 | Ban Quản lý Khu Nam | | Dự kiến năm 2015 | Khu đô thị hoàn chỉnh | |
| 4 | Đê bao ven sông Sài Gòn từ Vàm Thuận đến sông Kinh | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2009 - 2010 | Xây dựng tuyến đê bao ngăn triều kết hợp giao thông và chỉnh trang đô thị | |
| 5 | Đê bao dọc kênh Đôi (từ cầu rạch Bàng - ngã ba sông Cần Giuộc) | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2009 - 2010 | | |

| | | | | | | |
|----|--|--|--|-------------|--|--|
| 6 | Đê bao Bờ tả sông Sài Gòn từ rạch Cầu Ngang đến khu đô thị Thủ Thiêm | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2009 - 2010 | Cổng kiểm soát điều tiết nước triều chống ngập úng cho thành phố | |
| 7 | Đê bao dọc kênh Đôi (từ cầu Nhị Thiên Đường - cầu Rạch Bàng) | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2009 - 2010 | | |
| 8 | Cổng kiểm soát triều Nhiêu Lộc - Thị Nghè | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2009 - 2010 | | |
| 9 | Cổng kiểm soát triều sông Kinh | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2009 - 2010 | | |
| 10 | Cổng kiểm soát triều Phú Xuân | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2009 - 2010 | | |
| 11 | Cổng kiểm soát triều Tân Thuận | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2009 - 2010 | | |

| | | | | | | |
|----|------------------------|--|--|----------|---|--|
| 12 | Nạo vét rạch Thủ Đào | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2010 | Nạo vét thông thoáng dòng chảy, nâng khả năng tích nước góp phần chống ngập úng cho thành phố | |
| 13 | Nạo vét rạch Bà Lớn | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2010 | | |
| 14 | Nạo vét rạch Lung Mân | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2010 | | |
| 15 | Nạo vét rạch Xóm Củi | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2010 | Nạo vét thông thoáng dòng chảy, nâng khả năng tích nước góp phần chống ngập úng cho thành phố | |
| 16 | Nạo vét rạch Ông Bé | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2010 | | |
| 17 | Nạo vét rạch Thầy Tiêu | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Năm 2010 | | |

| | | | | | | |
|-----------|--|--|--|------------------|-----------------------|--|
| 18 | Nạo vét rạch Tra - kênh Xáng - An Hạ - kênh Xáng Lớn | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Năm 2010 | | |
| 19 | Đầu tư xây dựng khu chức năng số 20 | Ban Quản lý Khu Nam | | Dự kiến năm 2015 | Khu đô thị hoàn chỉnh | |
| 20 | Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020 | Sở Xây dựng | Các sở - ngành, quận, - huyện có liên quan | Quý I/2010 | Chương trình | |
| 21 | Chương trình mục tiêu phát triển ngành xây dựng, định hướng đến năm 2025 | Sở Xây dựng | Các sở - ngành, quận, - huyện có liên quan | Quý I/2010 | Chương trình | |
| 22 | Dự án cải thiện môi trường Nước thành phố Hồ Chí Minh lưu vực Tàu Hủ - Bến Nghé - kênh Đôi - kênh Tẻ (giai đoạn 2) | Ủy ban nhân dân thành phố | Các sở - ngành, quận - huyện | Quý IV năm 2014 | Dự án | |
| 23 | Dự án xây dựng đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Năm 2014 | Dự án | |
| 24 | Đường Tỉnh lộ 10B (song hành Tỉnh lộ 10) | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Năm 2010 | Dự án | |
| 25 | Xây dựng cầu Rạch Tra | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Năm 2014 | Dự án | |

| | | | | | | |
|----|---|--|------------------------------|-------------|--|--|
| 26 | Xây dựng nút giao thông ngã tư Thủ Đức | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Năm 2014 | Dự án | |
| 27 | Xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai Đông | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Năm 2014 | Dự án | |
| 28 | Dự án xây dựng đường nối vành đai phía Đông - Xa lộ Hà Nội (đường Bình Thái - Vành đai phía Đông) | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Năm 2014 | Dự án | |
| 29 | Dự án xây dựng đường nối Bình Thái - Gò Dưa | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Năm 2014 | Dự án | |
| 30 | XD đường nối từ cầu vượt nút giao thông Gò Dưa đến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Năm 2014 | Dự án | |
| 31 | Sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 | Sở Giao thông vận tải | Các sở - ngành, quận - huyện | Năm 2011 | Dự án | |
| 32 | Nạo vét cải tạo kênh Cầu Suối quận 12 | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2009 - 2010 | Nạo vét thông thoáng và lắp đặt 5.877m cống các loại | |
| 33 | Nạo vét cải tạo kênh tiêu Đồng Tiến | Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố | Sở Giao thông vận tải | 2009 - 2010 | Nạo vét thông thoáng và lắp đặt 2.849m cống các loại | |

| | | | | | |
|------------|---|-----------------------------|--|-----------------|---|
| C | LĨNH VỰC BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG | | | | |
| I | Lĩnh vực quản lý đất đai | | | | |
| 1 | Quy hoạch sử dụng đất của các quận - huyện (Quyết định số 4254 ngày 19/8/2009 của UBND thành phố) | UBND các quận - huyện | UBND các quận huyện | Năm 2011 - 2015 | Dự án |
| 2 | Quy hoạch sử dụng đất thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2011 - 2015 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2010 | Tờ trình Chính phủ xét duyệt của UBND thành phố |
| 3 | Dự thảo Chỉ thị của UBND thành phố về chấn chỉnh, tăng cường phối hợp quản lý quỹ nhà, đất thuộc sở hữu trực tiếp của nhà nước trên địa bàn thành phố | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2010 | Chỉ thị của UBND thành phố |
| II | Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn và biển đảo | | | | |
| 1 | Dự án xây dựng mạng quan trắc mưa tự động khu vực thành phố Hồ Chí Minh | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2010 | Quyết định của UBND thành phố |
| III | Lĩnh vực quản lý môi trường | | | | |
| 1 | Thiết lập hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải tại trạm xử lý nước thải tập trung các khu công nghiệp - khu chế xuất | Sở Tài nguyên và Môi trường | Ban quản lý các khu chế xuất - khu công nghiệp thành phố | Năm 2010 | Hệ thống thiết bị quan trắc tự động |

| | | | | | | |
|---|--|-----------------------------|--------------------------------|-----------------|--|--|
| 2 | Đề án điều chỉnh phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt giai đoạn 2010 - 2012 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2010 | Quyết định của UBND thành phố | |
| 3 | Quy hoạch tổng thể hệ thống nghĩa trang trên địa bàn thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2010 | Quyết định của UBND thành phố | |
| 4 | Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải y tế trên địa bàn thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2010 | Quyết định của UBND thành phố | |
| 5 | Chương trình thí điểm phân loại chất thải rắn tại nguồn tại 5 quận, huyện (1; 4; 5; 10; Củ Chi) | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2010 - 2011 | Quyết định của Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 6 | Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn đô thị thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2010 | Quyết định của UBND thành phố | |
| 7 | Đề án ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý chất thải rắn đô thị, chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn y tế và bùn hầm cầu | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở - ngành và quận - huyện | Năm 2010 - 2020 | Quyết định của UBND thành phố | |

| D | LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI | | | | | |
|----------|---|---------|--|----------|-------|--|
| 1 | Đề án thiết kế chuẩn mô hình y tế dự phòng quận - huyện tại thành phố Hồ Chí Minh | Sở Y tế | Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng | Năm 2010 | Đề án | |
| 2 | Đề án Chuẩn quốc gia về y tế dự phòng | Sở Y tế | Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng | Năm 2010 | Đề án | |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 82/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính và chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2009 về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng

thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 16 ban hành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2828/TTr-STP-BTTP ngày 28 tháng 9 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính và chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Mức thu lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính và chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc: 3.000 đồng/bản;
2. Lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thì mỗi trang thu 1.000 đồng, tối đa thu không quá 100.000 đồng/bản;
3. Lệ phí chứng thực chữ ký: 10.000 đồng/trường hợp (Trường hợp được xác định theo chữ ký của người thực hiện chứng thực).

Điều 3. Phòng Tư pháp quận, huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được giữ lại 20% lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký thu được, số còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước. Việc sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký được để lại được thực hiện theo quy định để trang trải chi phí cho việc chứng thực và việc thu lệ phí.

Điều 4. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính và chứng thực chữ ký có trách nhiệm niêm yết công khai mức thu tại trụ sở nơi thu lệ phí. Khi thu lệ phí, cơ quan thu lệ phí phải lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bản sao từ sổ gốc, chứng

thực bản sao từ bản chính và chứng thực chữ ký và người yêu cầu chứng thực có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 83/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 136/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đổi tên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố thành Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 7075/VP-TC ngày 25 tháng 9 năm 2009 và Giám đốc Sở Nội vụ thành phố tại Tờ trình số 1332/TTr-SNV ngày 08 tháng 10 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 34/2003/QĐ-UB ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban nhân dân

thành phố về ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và quan hệ công tác của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 83/2009/QĐ-UBND

ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây gọi tắt là Văn phòng) là cơ quan chuyên môn, bộ máy giúp việc của Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; có chức năng tham mưu - tổng hợp giúp cho Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Thành phố; giúp Ủy ban nhân dân thành phố điều hòa, phối hợp các hoạt động chung của các Sở, ban, ngành (sau đây gọi tắt là Sở), Ủy ban nhân dân quận - huyện; đảm bảo các điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ cho hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố.

Văn phòng có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Trụ sở làm việc của Văn phòng đặt tại số 86 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nhiệm vụ - quyền hạn

1. Công tác tham mưu - tổng hợp và phục vụ các hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố:

1.1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố chương trình làm việc, kế hoạch công tác hàng tuần, tháng, quý, sáu tháng và cả năm của Ủy ban nhân dân thành phố. Đôn đốc, kiểm tra các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc thực hiện chương trình, kế

hoạch công tác của Ủy ban nhân dân thành phố; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác phối hợp giữa các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định của pháp luật.

1.2. Thu thập, xử lý thông tin, chuẩn bị các báo cáo phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật. Thực hiện công tác thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất được giao theo quy định của pháp luật.

1.3. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giữ mối quan hệ phối hợp công tác với với Thành ủy, Thường trực Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các đoàn thể thành phố, Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố và các cơ quan, tổ chức của Trung ương.

1.4. Chủ trì soạn thảo các đề án, dự thảo văn bản theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; theo dõi, đôn đốc các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện soạn thảo, chuẩn bị các đề án được phân công phụ trách.

1.5. Có ý kiến thẩm tra độc lập đối với các đề án, dự thảo văn bản của các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; chịu trách nhiệm rà soát trình tự thủ tục, thể thức đề án, văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

1.6. Theo dõi, đôn đốc các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện, giúp Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan lập, điều chỉnh Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

1.7. Tổ chức công bố, truyền đạt các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố; các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên có liên quan.

1.8. Phối hợp với Văn phòng Tiếp công dân thành phố giúp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

1.9. Tổ chức phục vụ các phiên họp, buổi làm việc, tiếp khách của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

1.10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao.

2. Công tác nội vụ của Văn phòng; công tác hành chính, văn thư, lưu trữ hiện hành, Công báo và tin học của Thành phố:

2.1. Quản lý thống nhất việc ban hành văn bản của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; quản lý, tổ chức thực hiện công tác văn thư, lưu trữ hiện hành của thành phố; hướng dẫn văn phòng các Sở, Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện về nghiệp vụ hành chính, văn thư, tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện việc công bố các văn bản pháp luật trên Công báo thành phố, trực tiếp quản lý việc xuất bản và phát hành Công báo thành phố theo quy định của pháp luật.

2.3. Trình Ủy ban nhân dân thành phố quy hoạch, kế hoạch dài hạn, hàng năm, các chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng.

2.4. Trình Ủy ban nhân dân thành phố chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính Nhà nước thuộc phạm vi của Văn phòng.

2.5. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan chuyên môn trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tiêu chuẩn chức danh Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng các Sở; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, huyện.

2.6. Quản lý tổ chức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Văn phòng.

2.7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi quản lý của Văn phòng theo quy định của pháp luật và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2.8. Lập dự trù kinh phí hoạt động hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện việc quản lý, chi tiêu, thanh quyết toán tài chính của Ủy ban nhân dân thành phố theo chế độ tài chính Nhà nước.

2.9. Quản lý tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật được giao theo quy định của pháp luật.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 3. Lãnh đạo Văn phòng

1. Văn phòng có Chánh Văn phòng và một số Phó Chánh Văn phòng, số lượng Phó Chánh Văn phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định. Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng làm việc theo chế độ thủ trưởng, Chánh Văn phòng là người chỉ đạo, điều hành toàn bộ các hoạt động của Văn phòng; sắp xếp tổ chức, bộ máy Văn phòng theo quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Văn phòng; là chủ tài khoản cơ quan Văn phòng.

3. Chánh Văn phòng ký các văn bản thuộc phạm vi điều hành, phối hợp, đôn đốc các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện chuẩn bị các đề án trình Ủy ban nhân dân thành phố; thư mời họp của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; thông báo truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện; sao y các văn bản và thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký các văn bản để thực hiện công việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền.

4. Phó Chánh Văn phòng là người giúp việc cho Chánh Văn phòng, được Chánh Văn phòng phân công theo dõi từng khối công việc và chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng, trước pháp luật về các lĩnh vực công việc được phân công phụ trách.

Điều 4. Tổ chức bộ máy của Văn phòng

1. Khối chuyên viên nghiên cứu:

1.1. Các Phòng chuyên viên nghiên cứu:

- Phòng Tổng hợp - Kế hoạch;
- Phòng Tài chính - Thương mại - Dịch vụ;
- Phòng Công - Nông nghiệp;
- Phòng Đầu tư;
- Phòng Đô thị - Môi trường;
- Phòng Đối ngoại;

- Phòng Pháp chế - Nội chính;

- Phòng Văn xã.

1.2. Việc thành lập, sáp nhập, giải thể các phòng chuyên viên nghiên cứu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

1.3. Mỗi phòng có Trưởng phòng và một số Phó Trưởng phòng; Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ.

1.4. Các Phòng xây dựng quy chế làm việc và phân công cụ thể nhiệm vụ của các chuyên viên trong Phòng, trình lãnh đạo Văn phòng xem xét phê duyệt.

1.5. Căn cứ quy chế làm việc, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng phân công công tác, điều phối và theo dõi công tác chung của Phòng; đôn đốc, nhắc nhở các chuyên viên trong Phòng thực hiện tốt nội quy, quy chế làm việc, phát huy trách nhiệm cá nhân bảo đảm phục vụ kịp thời chỉ đạo của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và lãnh đạo Văn phòng. Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng chịu trách nhiệm đôn đốc về tiến độ, thời gian thực hiện các công việc của Phòng, nhưng không chịu trách nhiệm nội dung công việc của các chuyên viên nghiên cứu.

1.6. Các chuyên viên nghiên cứu được làm việc trực tiếp với Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khi có yêu cầu; sau đó, báo cáo kịp thời, đầy đủ cho lãnh đạo Văn phòng. Chuyên viên được tham dự các hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố, thường xuyên sắp xếp đi thực tiễn tại cơ sở để nắm bắt những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực công tác được phân công.

1.7. Các chuyên viên nghiên cứu giúp lãnh đạo Văn phòng phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện chuẩn bị các đề án và cung cấp các tài liệu, thông tin có liên quan đến các đề án, hồ sơ và chuẩn bị đầy đủ các tài liệu có liên quan đến các cuộc họp trình Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

1.8. Các chuyên viên nghiên cứu chủ động quan hệ chặt chẽ với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thuộc khối được phân công, theo dõi nắm tình hình hoạt động và những vấn đề có liên quan để báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Văn phòng và

Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; chịu trách nhiệm cá nhân, trực tiếp về công tác được phân công trước Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Khối hành chính:

2.1. Các phòng khối hành chính:

- Phòng Hành chính - Tổ chức;
- Phòng Kế toán - Tài vụ;
- Phòng Quản trị.

2.2. Mỗi Phòng có Trưởng phòng và có một số Phó Trưởng phòng, do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ; Trưởng phòng chịu trách nhiệm điều hành quản lý toàn bộ hoạt động của Phòng theo chức năng, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Văn phòng về toàn bộ hoạt động của Phòng theo quy chế làm việc được lãnh đạo Văn phòng phê duyệt.

2.3. Việc thành lập, sáp nhập, giải thể các phòng khối hành chính do Chánh Văn phòng quyết định.

3. Khối sự nghiệp:

3.1. Các đơn vị sự nghiệp gồm:

- Trung tâm Công báo;
- Trung tâm Tin học;
- Nhà khách Hương Sen (đơn vị sự nghiệp hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính).

3.2. Các đơn vị sự nghiệp hoạt động thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và theo quy chế riêng.

4. Số lượng biên chế, chế độ chính sách áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức Văn phòng do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định. Trong từng giai đoạn, tùy theo tình hình nhiệm vụ và yêu cầu công tác của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, các Phòng, các Trung tâm sẽ được sắp xếp, bố trí lại hoặc thành lập mới cho phù hợp trên cơ sở đề xuất, kiến nghị của Chánh Văn phòng và Sở Nội vụ.

Chương III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Đối với Văn phòng Chính phủ và các văn phòng cơ quan Trung ương

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chịu sự hướng dẫn về nghiệp vụ hành chính của Văn phòng Chính phủ, quan hệ với Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch Nước để kịp thời nắm bắt thông tin cần thiết giúp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức chỉ đạo đúng các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Nhà nước cấp trên.

Điều 6. Đối với Văn phòng Thành ủy, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố

1. Phối hợp với Văn phòng Thành ủy xây dựng chương trình làm việc, lịch công tác, cung cấp thông tin, tư liệu phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố để giúp Ủy ban nhân dân thành phố chuẩn bị các nội dung mà Ủy ban nhân dân thành phố cần báo cáo trước Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Phối hợp với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố bảo đảm điều kiện phương tiện, cơ sở vật chất cần thiết cho các kỳ họp và một số hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 7. Đối với tổ chức đoàn thể và tổ chức quần chúng xã hội

Văn phòng có trách nhiệm quan hệ thường xuyên với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các Hội quần chúng để nắm bắt và cung cấp các thông tin có liên quan đến chỉ đạo điều hành hoạt động của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Giúp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Quy chế phối hợp giữa Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

Điều 8. Đối với Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Văn phòng có quan hệ chặt chẽ với các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố để nắm bắt tình hình trên địa

bàn thành phố; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, quyết định, chỉ thị và các chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; phối hợp với các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện chuẩn bị những nội dung công việc, đề án trình Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Định kỳ hướng dẫn Văn phòng các Sở, Ủy ban nhân dân các quận - huyện về nghiệp vụ hành chính, văn thư đảm bảo sự thống nhất trên toàn thành phố theo quy định của Chính phủ và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Căn cứ Quy chế này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức sắp xếp bộ máy Văn phòng theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Đồng thời, ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu xét thấy cần thiết, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố và Giám đốc Sở Nội vụ kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn của Thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng